

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



**NGUYỄN THỊ THÙY LINH**

**ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH ĐỐI VỚI ĐỜI  
SỐNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC HMÔNG Ở CÁC TỈNH  
MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

Chuyên ngành: Tôn giáo học

Hà Nội - 2013

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



**NGUYỄN THỊ THÙY LINH**

**ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH ĐỐI VỚI ĐỜI  
SỐNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC HMÔNG Ở CÁC TỈNH  
MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY**

**Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Tôn giáo học**

**Mã số: 60.22.03.09**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thanh Xuân**

**Hà Nội – 2013**

## MỤC LỤC

<b>A. MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	5
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
5. Đóng góp mới của luận văn.....	6
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn .....	6
7. Kết cấu của luận văn .....	6
<b>B. NỘI DUNG.....</b>	<b>7</b>
<b>CHƯƠNG 1: QUÁ TRÌNH TRUYỀN BÁ, PHÁT TRIỂN ĐẠO TIN LÀNH TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC HMÔNG Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC.....</b>	<b>7</b>
1.1. Tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của người Hmông.....	7
<i>1.1.1. Khái quát về người Hmông ở Việt Nam .....</i>	<i>7</i>
<i>1.1.2. Tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của đồng bào dân tộc Hmông .....</i>	<i>9</i>
1.2. Quá trình truyền bá, phát triển đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.....	13
<i>1.2.1. Giai đoạn thứ nhất (từ 1985 - 1992).....</i>	<i>13</i>
<i>1.2.2. Giai đoạn thứ hai (từ 1992 - 2004).....</i>	<i>19</i>
<i>1.2.3. Giai đoạn thứ ba (từ 2005 đến nay).....</i>	<i>22</i>
1.3. Nguyên nhân phát triển đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc.....	24
<i>1.3.1. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân quá khó khăn .....</i>	<i>25</i>
<i>1.3.2. Từ đặc điểm lịch sử và văn hoá của dân tộc Hmông .....</i>	<i>27</i>
<i>1.3.3. Phong tục tập quán lạc hậu, trình độ dân trí thấp .....</i>	<i>30</i>

<i>1.3.4. Nhu cầu mới về tín ngưỡng, tôn giáo, đạo Tin lành đã khai thác lợi thế của một tôn giáo cải cách</i> .....	33
<i>1.3.5. Sự yếu kém của hệ thống chính trị</i> .....	36
<b>CHƯƠNG 2: ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC HÔNG Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY</b> .....	<b>40</b>
<b>2.1. Ảnh hưởng tích cực</b> .....	<b>40</b>
<i>2.1.1. Ảnh hưởng đối với đời sống tín ngưỡng, văn hóa</i> .....	41
<i>2.1.2. Ảnh hưởng về lối sống, tập quán</i> .....	44
<b>2.2. Ảnh hưởng tiêu cực</b> .....	<b>51</b>
<i>2.2.1. Đối với tín ngưỡng, văn hoá truyền thống</i> .....	51
<i>2.2.2. Gây ra sự phân chia, sự đối lập và sự căng thẳng trong nội bộ người Hông</i> .....	54
<i>2.2.3. Đối với kinh tế, chính trị - xã hội</i> .....	59
<b>2.3. Một số giải pháp nhằm khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành trong đời sống đồng bào dân tộc Hông ở các tỉnh miền núi phía Bắc</b> .....	<b>64</b>
<i>2.3.1. Dự báo tình hình đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc Hông</i> .....	64
<i>2.3.2. Một số giải pháp nhằm khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành trong đời sống đồng bào dân tộc Hông ở các tỉnh miền núi phía Bắc</i> .....	66
<b>C. KẾT LUẬN</b> .....	<b>81</b>
<b>D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>84</b>

## **A. MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Tôn giáo là một vấn đề phức tạp, nhạy cảm và có lịch sử tồn tại lâu đời. Trong vài thập kỷ trở lại đây, bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, tôn giáo đang có xu hướng phát triển trở lại một số khu vực. Sự phát triển trở lại của tôn giáo, một mặt khẳng định sức sống tự thân của nó, đó là để đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người nhưng mặt khác sự phát triển đó của tôn giáo cũng đã gây nên nhiều biến đổi cả tích cực và tiêu cực trong đời sống xã hội của con người.

Đạo Tin lành là một tôn giáo lớn trên thế giới, ra đời trong cuộc cải cách tôn giáo ở châu Âu vào thế kỷ XVI và gắn liền với hai tên tuổi nổi tiếng của phong trào cải cách tôn giáo lúc bấy giờ là M. Luther và J. Calvin. Đạo Tin lành ra đời thể hiện tính chất “cải cách” rõ rệt hơn nhiều so với đạo Công giáo, một tôn giáo mà trong một thời gian rất dài ở châu Âu đã khẳng định vị trí đứng trên các lĩnh vực xã hội, kể cả chính trị. Vì vậy, mặc dù ra đời muộn hơn và lại cùng một gốc với Công giáo, nhưng đạo Tin lành đã phát triển rất nhanh chóng trên phạm vi toàn thế giới, đặc biệt ở những nước công nghiệp phát triển.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo. Mỗi một tôn giáo có một lịch sử hình thành, du nhập, phát triển, có số lượng tín đồ, chức sắc, cơ sở thờ tự, vị trí, vai trò xã hội và đặc điểm khác nhau, nhưng đều có ảnh hưởng nhất định đến các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở Việt Nam, bên cạnh những tôn giáo lớn, du nhập phát triển từ lâu, hoạt động hợp pháp, cùng với những tín ngưỡng truyền thống thì hiện nay đã và đang xuất hiện việc tuyên truyền, phát triển đạo Tin lành ở một số địa phương, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người. Sự xuất hiện và phát triển tôn giáo này, do nhiều nguyên nhân khác nhau, đã gây ra những tác động, ảnh hưởng đến

nhieu mặt của đời sống, từ chính trị, kinh tế, tư tưởng, an ninh, trật tự, đến các mặt đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc nơi đây, trong đó có đồng bào dân tộc Hmông.

Đạo Tin lành xâm nhập, và phát triển vào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta từ năm 1985 - 1986 đến nay đã hơn 25 năm. Theo số liệu thống kê gần đây, số lượng người dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc, từ chỗ hầu như không có (ở thời điểm năm 1986 trở về trước), đến năm 2012 đã lên đến 206.000 người, trong đó chủ yếu là đồng bào dân tộc Hmông. Còn trong các dân tộc khác trong địa bàn lại hầu như không có hoặc là có nhưng rất ít. Hiện tượng này đã tạo ra sự thay đổi rất lớn đối với đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc Hmông, tác động toàn diện, vừa tích cực, vừa tiêu cực đến các mặt đời sống của họ.

Vì vậy, việc nghiên cứu tình hình phát triển đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc Hmông ở khu vực miền núi phía Bắc, hơn nữa là tìm hiểu những ảnh hưởng của đạo Tin lành đối với đời sống đồng bào dân tộc Hmông để từ đó đề ra những biện pháp giải quyết vấn đề này, cho đến nay vẫn là những vấn đề thời sự, mang tính cấp thiết cả về mặt lý luận lẫn mặt thực tiễn.

Dựa trên cơ sở đó, tôi đã mạnh dạn lựa chọn đề tài: “Ảnh hưởng của đạo Tin lành đối với đời sống đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay” để nghiên cứu làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Triết học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Tôn giáo là một vấn đề hết sức nhạy cảm đối với đời sống của những người có tín ngưỡng, cũng như những người không có tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam nói riêng và ở các dân tộc, quốc gia trên thế giới. Do đó, việc nghiên cứu về lý luận tôn giáo nói chung và thực tiễn một tôn giáo cụ thể ở Việt Nam là hết sức cần thiết.

Đối với vấn đề tôn giáo nói chung và đạo Tin lành nói riêng, trong những năm gần đây đã có rất nhiều Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Nhà nước được ban hành như: Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khoá IX “Về công tác tôn giáo” (năm 2003); “*Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo*” (số 21/2004/PL - UBTWQH/QH11, năm 2004); “*Chỉ thị số 01/2005/CT - TTg, ngày 04 tháng 2 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ*”,... Đó là những chủ trương, chính sách mới nhất của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo nói chung và đạo Tin lành nói riêng.

Trên lĩnh vực nghiên cứu, có nhiều công trình có giá trị có thể kể đến như:

- TS. Nguyễn Đức Lữ chủ nhiệm (1999), Đề tài khoa học cấp bộ, “*Sự phát triển của đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc ít người ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*”, Hà Nội.

- PGS.TS. Nguyễn Đức Lữ chủ nhiệm (2005), Đề tài nhánh “*Chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Chính phủ*”, Viện nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng chủ trì, Hà Nội.

- Nguyễn Văn Thắng chủ biên (2009), “*Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*”, Nxb Khoa học xã hội, Việt Nam.

- Nguyễn Thanh Xuân (1996), “*Đặc điểm của đạo Tin lành ở Việt Nam*”, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân (2002), “*Bước đầu tìm hiểu đạo Tin lành trên thế giới và ở Việt Nam*”, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân chủ nhiệm (2002), Đề tài “*Tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ*”, Hà Nội.

- Nguyễn Thanh Xuân (2005), “*Một số tôn giáo ở Việt Nam*”, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

- Nguyễn Khắc Đức (2011), “*Vấn đề đạo Tin Lành trong đồng bào dân tộc Hmông và Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*”, Luận văn Tiến sĩ khoa học Tôn giáo, Hà Nội.

- Đỗ Kỳ Hợp (2001), “*Hiện tượng truyền đạo Tin lành trái phép “Vàng Chứ - Tin lành” ở vùng đồng bào Hmông ở Hà Giang hiện nay*”, Luận văn Thạc sĩ khoa học Tôn giáo, Hà Nội.

- Tác giả Vi Hoàng Bắc (1997) viết: “*Bước đầu tìm hiểu ảnh hưởng của đạo Tin lành đối với văn hóa truyền thống ở vùng đồng bào Hmông huyện Bắc Hà*”, Tạp chí Dân tộc học, số 1, Hà Nội.

- Tác giả Nguyễn Xuân Hùng (2000), có bài viết: “*Tìm hiểu những hệ quả của việc truyền giáo Tin lành đối với văn hóa truyền thống và tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 1, Hà Nội.

- Ngô Hữu Thảo (2007), “*Giải pháp đối với đạo Tin Lành vùng núi phía Bắc nước ta hiện nay*”, Tạp chí Công tác Tôn giáo, Số 5, Hà Nội.

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu trên đây đã đề cập tương đối sâu về thực trạng phát triển của đạo Tin lành và những vấn đề liên quan đến sự phát triển của nó trong đồng bào dân tộc Hmông ở một số tỉnh phía Bắc nước ta như Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng,... Đồng thời những công trình này đã phân tích được nguyên nhân, ảnh hưởng và biện pháp giải quyết đối với vấn đề đạo Tin lành ở khu vực này.

Những công trình này có giá trị rất lớn và kịp thời cho việc nâng cao nhận thức của xã hội về đạo Tin lành trong người Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Tuy nhiên, việc tập trung nghiên cứu quá trình truyền bá đạo Tin lành, từ đó chỉ ra những ảnh hưởng của nó trong đời sống đồng bào dân tộc



Hmông ở khu vực này thì còn chưa đầy đủ và chưa mang tính hệ thống, do đó cần tiếp tục được nghiên cứu.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***- Mục đích***

Tìm hiểu quá trình truyền bá, phát triển của đạo Tin lành vào vùng đồng bào dân tộc Hmông và những ảnh hưởng của đạo Tin lành đối với đời sống đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay.

#### ***- Nhiệm vụ***

+ Trình bày một cách khái quát về quá trình truyền bá, phát triển của đạo Tin lành vào vùng đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.

+ Chỉ ra những ảnh hưởng chủ yếu cả tích cực và tiêu cực của đạo Tin lành đến đời sống đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

+ Đưa ra một số giải pháp cơ bản để khắc phục, hạn chế những ảnh hưởng của đạo Tin lành đến các mặt trong đời sống của đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay.

#### ***- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu***

Đề tài tập trung nghiên cứu quá trình truyền bá đạo Tin lành trong vùng dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta và những ảnh hưởng của nó trong đời sống đồng bào dân tộc Hmông ở khu vực này.

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### ***- Cơ sở lý luận***

+ Luận văn được tiến hành trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo.

+ Kế thừa và phát triển những công trình nghiên cứu đã được công bố có liên quan đến đề tài luận văn.

### ***- Phương pháp nghiên cứu***

Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin và một số phương pháp nghiên cứu của các khoa học chuyên ngành và liên ngành như tôn giáo học, sử học, cùng các phương pháp khái quát hóa, trừu tượng hóa, phương pháp lịch sử - lôgic, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp thống kê, so sánh,...

### **5. Đóng góp mới của luận văn**

- Góp phần làm rõ thêm quá trình truyền bá, phát triển đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta trong thời gian gần đây.

- Bước đầu chỉ ra những ảnh hưởng của đạo Tin lành đối với đời sống của đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.

- Đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm góp phần khắc phục, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành đối với đời sống đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- Luận văn có thể làm tài liệu trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập tôn giáo học.

- Làm tài liệu tham khảo cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, làm công tác tôn giáo ở các địa phương.

### **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu gồm 2 chương, 6 tiết.

## B. NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1: QUÁ TRÌNH TRUYỀN BÁ, PHÁT TRIỂN ĐẠO TIN LÀNH TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC HMÔNG Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

#### 1.1. Tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của người Hmông

##### 1.1.1. *Khái quát về người Hmông ở Việt Nam*

Vùng núi phía Bắc là địa bàn cư trú chủ yếu của đồng bào dân tộc Hmông ở miền Bắc nước ta. Người dân tộc Hmông thường sinh sống ở vùng núi có độ cao từ 700m trở lên, trong một địa bàn khá rộng lớn, dọc theo biên giới Việt - Trung và Việt - Lào từ Lạng Sơn đến Nghệ An, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh thuộc Đông và Tây bắc Việt Nam như: Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thanh Hoá, Hoà Bình, Thái Nguyên, Bắc Kạn. Phần lớn dân tộc Hmông ở Việt Nam có nguồn gốc xa xưa từ vùng Quý Châu - Trung Quốc, di cư vào Việt Nam cách đây khoảng hơn 300 năm. Họ đến bằng nhiều đợt với quy mô lớn nhỏ khác nhau song có thể phân thành ba đợt chủ yếu vào vùng cao nguyên Đông Văn (Hà Giang), Lào Cai và Tây Bắc [71, tr.18]. Lịch sử thiên di của người Hmông vào Việt Nam gắn liền với quá trình đi tìm nơi sinh sống ổn định, tự do và ấm no.

Năm 2009, dân tộc Hmông ở Việt Nam hiện có 1.068.189 người [83], dân số đứng thứ 8 trong số các dân tộc nước ta. Dân tộc Hmông ở Việt Nam có 4 nhóm chính là: Hmông Trắng (Hmôngz Đourz), Hmông Hoa (Hmôngz Lêngx), Hmông Đen (Hmôngz Đuz), Hmông Xanh (Hmôngz Njuôz). Các nhóm Hmông có sự khác nhau đôi chút về tiếng nói nhưng cùng thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao (dòng ngôn ngữ Nam Á).

Về lịch sử của người Hmông: lịch sử tồn tại từ xa xưa của người Hmông gắn với nhà nước Tam Miêu. Họ có một nền văn hóa phát triển khá

rực rỡ với nền văn minh lúa nước, có chữ viết và nhà nước riêng của mình. Đến sinh sống tại Việt Nam, địa bàn cư trú của người Hmông là vùng rẻo cao và họ được xem là đại diện cho một sắc thái nếp sống rẻo cao và cao nguyên. Môi trường sống ấy đã góp phần quan trọng tạo cho họ một nền văn hóa rất đặc trưng.

Trong xã hội người Hmông, ý thức cộng đồng là một thành tố quan trọng và thiêng liêng, là người Hmông đều phải ghi nhớ. Những kẻ làm trái với tập tục, quyền lợi của tập thể, dòng họ, làng bản, dân tộc, sẽ bị coi là “không phải người Hmông nữa”, bị cộng đồng ruồng bỏ. Bất cứ người Hmông ở nhóm nào đi đâu, làm nghề gì cũng luôn hướng về cộng đồng của mình, mặc dù họ bị tác động mạnh mẽ của hoạt động, của hoàn cảnh bên ngoài song trải qua nhiều thế hệ, nhiều năm tháng, ý thức ấy không hề nhạt phai, nó lắng đọng trong tâm tư tình cảm của người Hmông.

Do đặc điểm của người Hmông sống trên rẻo cao nên cư trú không tập trung, phần lớn thiếu nước sản xuất vì vậy thời kỳ đầu người Hmông làm nương rẫy là chính và đó là yếu tố lịch sử tạo nên lối sống du canh du cư của người Hmông.

Người Hmông có lòng tự trọng rất cao, một khi đã tin ai thì đi theo đến cùng, có thể kết nghĩa tình anh em. Ngược lại vì một lý do nào đó làm mất lòng tin với họ thì khó lòng lay chuyển. Họ cũng là con người rất trọng danh dự, sự xúc phạm đến thanh danh của cá nhân và tập thể là điều không bao giờ họ chấp nhận, họ có thể quên và nhất định trả bằng được món nợ đó.

Trong tâm thức của người Hmông, bên cạnh niềm tự hào về quá khứ huy hoàng, là sự luyến tiếc một thời oanh liệt đã qua, sự xót xa cho một dân tộc tha hương li tán, và mong mỗi muông có lại những gì đã mất. Khát vọng của họ là mong được đổi đời, nhưng hoàn cảnh lịch sử đã tạo nên tâm lý mặc

cảm, tự ti. Họ trông đợi ở vị thủ lĩnh tài ba có thể đem lại hạnh phúc cho người Hmông.

Với tâm lý mặc cảm, tự ti người Hmông ngại va chạm, ít khi xuống núi tiếp xúc với các dân tộc khác, khép kín quan hệ kinh tế văn hóa. Lối sống du canh du cư tạo ra tâm lý ưa thích tự do, thả sức đốt phá rừng làm nương rẫy, thả sức săn bắn, không muốn ai đụng chạm đến mình và cũng không muốn mình bị ghép vào khuôn khổ mới lạ với truyền thống. Cách nhìn nhận thế giới xung quanh đơn giản, đánh giá sự vật, con người và các mối quan hệ theo cách riêng của họ mà ta quen gọi là “cái lý của người Hmông”.

Cùng với lịch sử dân tộc Việt Nam, người Hmông ở miền núi phía Bắc cũng bị áp bức, bóc lột của giặc ngoại xâm, của chế độ phong kiến cho nên họ cũng căm thù giặc ngoại bang, chán ghét chế độ phong kiến. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời người Hmông tin vào sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống đoàn kết, yêu nước của người Hmông được phát huy mạnh mẽ. Người Hmông ở miền núi phía Bắc tự hào đóng góp một phần công sức vào công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

### ***1.1.2. Tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của đồng bào dân tộc Hmông***

Người Hmông có tín ngưỡng, tôn giáo đa thần, với các hình thức chủ yếu như:

#### ***- Thờ cúng tổ tiên***

Thờ cúng tổ tiên là một trong những tín ngưỡng tôn giáo truyền thống có vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống tâm linh của người Hmông. Thờ cúng tổ tiên thờ cúng ông bà, cha mẹ và những người đồng tộc đã chết. Người ta tin rằng tổ tiên đã chết, che chở cho con cháu đang sống làm những nghi lễ cầu xin cho các thành viên thị tộc hay gia đình và tiến hành những nghi thức nhằm thờ phụng tổ tiên. Bàn thờ tổ tiên thường đặt ở vị trí gian giữa, nhiều dòng họ Hmông không lập bàn thờ tổ tiên riêng. Nơi thờ cúng tổ tiên chỉ là

một miếng giấy hình chữ nhật kích thước 20 - 30cm. Nơi đặt bàn thờ là linh thiêng, chỉ có chủ gia đình mới được làm chủ lễ cúng mời tổ tiên, chỉ có con trai mới được đến gần bàn thờ. Người Hmông chỉ cúng tổ tiên vào dịp năm mới, lễ cơm mới hoặc khi cần cúng chữa bệnh,... đối với hôn cụ, ông, cha ở thế giới bên kia.

*- Thờ cúng ma nhà*

Ma nhà là tên gọi các loại ma mà đồng bào Hmông thờ bao gồm như: Xử cả, Bùa đáng, Xìa mình, Hú sinh, Nhiu đáng,...

"Xử cả" là ma có vị trí quan trọng trong hệ thống các ma nhà người Hmông, gắn liền với sự giàu có, nhất là tiền bạc. Nơi thờ "Xử Cả" ở tâm ván hậu gian giữa nhà. Chỗ thờ được dán hai miếng giấy bản màu vàng và bạc cắm 3 hoặc 9 lông gà, bôi ít máu gà. Mỗi năm cúng Xử cả một lần vào đêm 30 tết, đồ cúng là một con gà trống màu đỏ.

"Bùa đáng" (ma lợn) được thờ ở cột chính trong nhà, cột tượng trưng cho sự hưng thịnh và vận mệnh của gia đình. Ma lợn chỉ có chủ gia đình mới được cúng, vật cúng là lợn nái đã đẻ một lứa. Trong đời một người con trai phải làm lễ cúng cột chính 1 hoặc 2 lần, nhằm tưởng nhớ và làm tròn đạo hiếu giữa người còn sống đối với người đã chết. Cúng ma cột chính, theo quan niệm của người Hmông còn nhằm tạ ơn những người xưa kia đã giúp người Hmông qua hoạn nạn, để tìm chữ viết đã mất.

"Xìa mình"(ma cửa), có nhiệm vụ ngăn ma ác vào nhà, bảo vệ gia súc, bảo vệ của cải, bảo vệ các hồn, ngăn không cho hồn các thành viên gia đình bỏ đi. Theo quan niệm của đồng bào, ma cửa thường ngự ở miếng vải đỏ dán trước cửa chính. Ma cửa thường được cúng vào dịp tết, khi có người ốm đau hoặc mất tài sản. Lễ vật cúng là con gà trống, khi có điềm xấu chủ nhà phải cúng ma cửa bằng lợn - gọi là lễ cúng lớn.

"Hú sinh" (ma bếp) có liên quan đến việc sinh nở của phụ nữ và phù hộ cho việc chăn nuôi gia súc. Do đó kiêng giẫm chân lên bếp lò, kiêng làm hư hại lòng lò bằng đất, không được gõ và đánh vào bếp cám lợn, lúc lợn chữa kiêng không lấy tro trong bếp lò. Muốn nhấc chảo cám ra phải để một hòn đá vào giữa bếp, nếu không làm như vậy, gia súc dễ bị dịch bệnh chết, phụ nữ khó đẻ hoặc đẻ ra quái thai, dị hình.

"Nhùi đáng" (ma trâu), trong đời người con trai phải cúng báo hiếu bố mẹ một lần. Vật cúng là trâu to, lớn, khoẻ mạnh. Lễ cúng tùy từng gia đình, dòng họ qui định, cúng ở trong nhà hay ở vị trí nào đó ngoài trời. Người cúng phải hiểu lai lịch dòng họ.

- *Thờ cúng thần "Giao" (thần thổ địa)*

Thần Giao là Thần thổ địa, thần của một cộng đồng được thờ ở một gốc cây to, hoặc hòn đá lớn trong một khu rừng cấm. Đồng bào quan niệm thần "Giao" chi phối cuộc sống của một cộng đồng "Giao". Người dân trong "Giao" khoẻ mạnh, mùa màng bội thu, gia súc nhiều, dân số tăng là nhờ thần phù hộ. Hàng năm vào ngày Thìn của tháng hai (hoặc ngày mùng 2 tháng 2) đại diện các gia đình trong "Giao" đến khu rừng cấm, nơi thờ thần làm lễ cúng thần, lễ vật cúng là gà, hoặc lợn và rượu. Người đứng đầu "Giao" trình trọng cầu khẩn thần linh phù hộ. Nội dung bài cúng thần tỏ rõ lòng tôn kính nhưng vẫn thân mật và bình đẳng với thần. Quan hệ giữa người dân với thần trong cộng đồng "Giao" bình đẳng, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau. Ở đây thần cũng bình đẳng như một thành viên của cộng đồng. Thần chưa có sức mạnh siêu phàm tuyệt đối, chưa đứng trên cộng đồng. Do đó, cộng đồng dâng lễ vật cho thần thì thần phải có nghĩa vụ phù hộ, bảo vệ cộng đồng "Giao".

- *Tín ngưỡng liên quan đến dòng họ*

Nếu coi tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng đa thần là yếu tố cốt lõi trong văn hóa tâm linh truyền thống của người Hmông thì tín ngưỡng liên

quan đến dòng họ thực sự là nét văn hóa tâm linh điển hình mang tính đặc thù của dân tộc này.

Dòng họ được người Hmông gọi là “*xênhv*”. Dấu hiệu để nhận biết những người trong cùng một dòng họ của người Hmông không chỉ dựa vào việc họ có cùng tên họ, mà còn phải có sự giống nhau trong việc cúng “ma bò”, “ma lợn”, “ma cửa”, và trong cách thức chôn người chết.

Hiện nay, các tín ngưỡng liên quan đến dòng họ vẫn được người Hmông duy trì, song trải qua sự thanh lọc của thời gian nhiều hình thức tín ngưỡng trong số này cho đến ngày nay đã không còn được thực hiện trong cộng đồng người Hmông.

- *Saman giáo*

Như nhiều tộc người ở Việt Nam, người Hmông cũng có hình thức Saman giáo mang tính truyền thống. Trong Saman giáo của người Hmông thì thầy pháp là người có khả năng đặc biệt có thể tiếp xúc được với các vị thần ma, hiểu biết được thế giới của người chết, giúp giải quyết những tai ương, bệnh tật cho từng người hay cho cả cộng đồng người Hmông.

Thời gian qua đi, những thay đổi về mọi mặt trong đời sống của người Hmông, đặc biệt là sự có mặt của đạo Tin Lành đã làm cho vai trò của thầy Saman và hoạt động Saman giáo giảm đi. Khi ốm đau một số người đã không còn tìm đến thầy Saman để nhờ giúp đỡ nữa.

Có thể nói, văn hóa tâm linh truyền thống của người Hmông là một phần vô cùng quan trọng phản ánh sự phong phú, tính đa dạng và đặc thù của văn hóa Hmông. Nó được tạo dựng bởi nhiều yếu tố mà nền tảng là sự gắn kết của các hoạt động thờ cúng tổ tiên, tính đặc trưng của những lễ nghi liên quan đến dòng họ và sự phổ biến của tín ngưỡng Saman.

Nhìn chung các hình thức tín ngưỡng tôn giáo truyền thống nói trên của người Hmông một mặt nó vừa đáp ứng được nhu cầu tâm linh đối với mỗi



người, mỗi gia đình người Hmông song trên thực tế đời sống hiện nay thì việc thực hiện một số nghi lễ tôn giáo truyền thống cũng đã bộc lộ một số điểm thể hiện sự phức tạp, lỗi thời, tốn kém, trở thành gánh nặng đè lên cuộc sống của người Hmông. Chính vì vậy khi đạo Tin lành xuất hiện với hình ảnh Giêsu quyền năng vô hạn, với nghi lễ gọn nhẹ, lại không quá tốn kém thì đã có không ít người Hmông đã đoạn tuyệt với tín ngưỡng tôn giáo truyền thống để đến với đạo Tin lành.

*Như vậy, từ đặc điểm lịch sử, văn hóa lối sống tộc người như nói trên có thể rút ra ba tập tính nổi trội của người Hmông ở Việt Nam đó là: một là xưng vua, đón vua và mong ước có một vương quốc riêng; hai là, duy trì gìn giữ phong tục tập quán, thiết chế văn hóa truyền thống hầu như ít thay đổi, tạo ra “cái lý” của người Hmông; ba là, sự liên kết với nhau qua dòng họ và đi định cư tự do, không chỉ trong nước mà di cư sang cả các nước xung quanh.*

## **1.2. Quá trình truyền bá, phát triển đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta**

Về sự phát triển của đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay vẫn có nhiều quan điểm khác nhau song về cơ bản có thể chia làm 3 giai đoạn như sau:

### ***1.2.1. Giai đoạn thứ nhất (từ 1985 - 1992)***

Năm 1985, hiện tượng Vàng Trú bắt đầu xuất hiện ở tỉnh Hà Giang và Sơn La. Năm 1986, đạo này phát triển sang các địa bàn tỉnh Lai Châu. Tiếp theo đó nó lan sang một số tỉnh khác như Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Cao Bằng, Bắc Thái (cũ),...

Tuyên Quang là một trong những nơi khá điển hình của hoạt động Vàng Trú do Dương Văn Minh cư trú tại Hàm Yên - Tuyên Quang đứng đầu. Khoảng năm 1986, Dương Văn Minh, sau khi nghe đài FEBC (quen gọi là đài

Manila vì được phát đi từ Manila - Philippine) phát bằng tiếng Hmông nói về Vàng Trứ đã cùng một số người đứng ra vận động mọi người theo Vàng Trứ. Theo lời dạy của đài, họ loan tin rằng Vàng Trứ là người sẽ cứu được dân tộc Hmông thoát khỏi khổ đau, ai theo sẽ có cuộc sống sung sướng, không làm cũng có ăn; ai không cúng đón Vàng Trứ sẽ bị hổ ăn thịt, nước cuốn trôi. Những lời lan truyền đó đã tạo ra bầu không khí căng thẳng, hoang mang lo sợ xen lẫn sự trông chờ, hy vọng trong cộng đồng người Hmông. Giữa khung cảnh đó, Dương Văn Minh kêu gọi người nào muốn theo Vàng Trứ thì phải đăng ký, nộp tiền, nộp thuốc lá, vải đỏ, bỏ thờ cúng tổ tiên, bỏ “thần nhà”, “thần cửa” và tập bay chờ ngày Vàng Trứ đón lên trời. Từ nhóm Hmông ở huyện Hàm Yên theo Vàng Trứ, hiện tượng này đã nhanh chóng lan ra một số vùng Hmông ở tỉnh Tuyên Quang. Sau này, Dương Văn Minh bỏ trốn không trở về nên số người theo Dương Văn Minh không chuyển sang theo Tin lành hay Công giáo mà giữ nguyên việc thờ cúng như khi Dương Văn Minh tuyên truyền nên đến nay hình thành đạo Dương Văn Minh - là sự lai tạp giữa đạo Tin lành với tín ngưỡng truyền thống.

Năm 1987, đạo Vàng Trứ bắt đầu xâm nhập vào huyện Sông Mã tỉnh Sơn La. Quá trình xâm nhập đạo Vàng Trứ ở đây bắt đầu từ hoạt động của Thào Bả Hụ. Năm 1986, gia đình Thào Bả Hụ có con ốm chữa mãi không khỏi, sau khi nghe đài Manila và lời tuyên truyền của những người đi buôn từ Yên Bái đến, nên Thào Bả Hụ đã cùng hai người Hmông ở đây sang nhà thờ Trạm Tầu (Yên Bái) gặp Sùng Bla Giống để học “cách cúng mới”. Giống đã dạy họ hát thánh ca, đọc Kinh thánh bằng chữ Hmông La tinh, các nghi lễ hành đạo và cung cấp một số tranh ảnh chúa Giêsu,... Sau khi trở về 15 ngày, Thào Bả Hụ bỏ bàn thờ tổ tiên, treo ảnh Chúa và đọc kinh theo kiểu cách của đạo Công giáo. Tháng 5 -1986, Thào Bả Hụ đã vận động được trưởng bản ủng

hộ truyền đạo trong dân bản và đã có 8/17 hộ trong bản tin theo, cuối năm 1986 lên đến 16/17 hộ, và bắt đầu lan ra các bản Hmông trong toàn xã.

Cũng trong năm 1987, tại bản Háng Xung, xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu (cũ) Hạng Chù Và và Hạng A Di tuyên truyền Vàng Trứ xuất hiện. Từ bản Háng Xung, tin này đã lan ra các xã Phì Nhừ, Nà Tấu, Mường Mươn (huyện Điện Biên). Người Hmông cũng bắt đầu được tuyên truyền phải mở đài nước ngoài nói bằng tiếng Hmông để nghe Vàng Trứ dạy. Từ đó, trong cộng đồng dân tộc này bùng lên phong trào mua đài, pin và tập trung nghe lời nói, lời khuyên của đài. Nghe theo đài những thành viên tích cực tuyên truyền rằng: “năm 2000 Vàng Trứ sẽ xuất hiện, sẽ làm cho trái đất bằng phẳng, người Hmông sẽ không phải sống trên núi cao nữa”, “mọi người phải sẵn sàng, phải tập bay để đón Vàng Trứ”, “Vàng Trứ sẽ cho cây ngô ra bẩy bắp, lúa chín tự về nhà, người Hmông không làm cũng có ăn”. Từ đó, Vàng Trứ phát triển tới các huyện Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Tuần Giáo (Điện Biên). Đặc biệt sau trận lũ lớn, tháng 6 năm 1990, ở thị xã Lai Châu và huyện Mường Lay, những người truyền bá đạo Vàng Trứ đã lợi dụng tuyên truyền đe dọa, thậm chí ép buộc người dân theo Vàng Trứ.

Quá trình phát triển đạo Tin lành ở tỉnh Hà Giang bắt đầu từ hoạt động của một số phần tử cầm đầu địa phương. Chúng đã tụ tập một bộ phận quần chúng nhân dân nghe đài Manila phát bằng tiếng Hmông để kích động đồng bào theo đạo. Đồng thời, những người cầm đầu như Ma Seo Chảo, Tráng A Vàng, Ma Seo Bẫy, Giàng A Chúng,... đã trực tiếp đến nhà thờ xứ Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai và Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) để học hỏi về cách thức theo đạo và truyền đạo.

Cùng với việc tuyên truyền đạo Tin lành đến đồng bào dân tộc Hmông như nói trên, thời gian này, đạo Tin lành cũng tuyên truyền đến vùng đồng bào Dao ở miền núi phía Bắc dưới tên gọi Thìn Hùng. Đến năm 1990, ở 8 tỉnh

miền núi phía Bắc, Vàng Trú, Thìn Hùng đã thâm nhập vào 164 xã có đồng bào Hmông, Dao, là Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên và Yên Bái. Tình hình này đã có tác động lớn đối với số người Hmông, dẫn đến việc một số người Hmông di cư đến Thanh Hoá, và một số ít vào Đắc Lắc, Gia Lai sinh sống.

Từ cuối những năm 1980 đầu những năm 1990 hoạt động truyền giáo và theo đạo Tin lành có sự thay đổi dưới sự tác động của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), nhất là giáo hội Công giáo Việt Nam.

Qua sự dẫn dắt của số người Kinh và người Hmông theo đạo Công giáo, số cầm đầu tuyên truyền Vàng Trú đã tìm đến các nhà thờ đạo Công giáo ở Yên Bái, Tuyên Quang, Sơn Tây, Hà Nội,... Ở đây, họ được các linh mục hướng dẫn giảng giải về giáo lý, lễ nghi hành đạo, cung cấp kinh sách và các văn bản quy định về hoạt động tôn giáo của Nhà nước. Theo sự chỉ đạo của linh mục các đối tượng truyền đạo đã công khai tuyên truyền đạo Vàng Trú, đạo Công giáo.

Những linh mục giải thích với đồng bào rằng theo Công giáo được Nhà nước cho phép, có sách dạy, có người hướng dẫn, có nhiều nhà thờ ở Hà Nội và các tỉnh khác trong cả nước. Vì vậy, hầu hết số người Hmông trước đây theo Vàng Trú thì giờ đây lại hướng theo đạo Công giáo. Họ tụ tập đọc kinh, cầu nguyện tập thể theo đài và băng ghi âm, cầu nguyện Thiên Chúa trước khi ăn, trước khi đi ngủ và khi ngủ dậy. Một số gia đình đã thờ ảnh Thánh theo cách của người Công giáo, dùng tràng hạt trong sinh hoạt tôn giáo.

Vào thời kỳ này, cũng có một số người theo Vàng Trú được chỉ dẫn về Hà Nội tìm đến trụ sở Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) - số 2, ngõ Trạm, Hà Nội để học đạo Tin lành và mục đích khác nữa là để được hướng dẫn về chính sách tôn giáo, để được tự do theo đạo trước sự ngăn cản của chính quyền ở cơ sở. Tuy nhiên các hoạt động truyền đạo giai đoạn này vẫn là

tuyên truyền Vàng Trứ theo đài FEBC, xen lẫn giáo lý, nghi thức của đạo Công giáo, đạo Tin lành.

Mặt khác, một số người truyền giáo, đứng đầu các điểm nhóm (tự hình thành) khi tuyên truyền đạo đã đan xen vào đó những nội dung mang tính chính trị như: người Hmông phải đi theo Vàng Trứ, đạo Vàng Trứ là của người Hmông. Theo Đảng, Nhà nước Việt Nam không được gì, khổ vẫn khổ. Nếu không theo Chúa Giêsu thì sẽ bị lửa đốt cháy, bị giết, ai theo Chúa mới được sống, mới được Chúa đón nhận, mới được sống sung sướng mãi mãi,...

Điều đáng quan tâm đó là ở thời kỳ này, hoạt động truyền đạo chuyển từ lén lút tuyên truyền Vàng Trứ sang công khai theo đạo Công giáo, đạo Tin lành. Do đó, vào đầu những năm 1990 ở nhiều tỉnh đã hình thành cục diện ba hình thái tôn giáo mới: một là *Vàng Trứ*, hai là *Công giáo*, ba là *Tin lành*. Thậm chí ở một số bản, điển hình là bản Ít Lót (Sông Mã - Sơn La), vào năm 1991 có hai điểm sinh hoạt tôn giáo - đạo Tin lành do Thào Bả Hụ đứng đầu, đạo Công giáo do Vừ Tủa Sáng đứng đầu, còn lại một số vẫn hướng theo Vàng Trứ, chưa ngã về đâu.

Đặc biệt, bên cạnh các hoạt động lén lút tuyên truyền Vàng Trứ gắn với mê tín vẫn còn, nhưng nét mới của giai đoạn này đó là có sự chuyển hướng sang công khai viết đơn, kiến nghị gửi các cấp chính quyền cho theo đạo. Với sự hướng dẫn giúp đỡ của một số linh mục, mục sư, những người truyền đạo, đã tập hợp quần chúng ký vào đơn xin chính quyền cho họ theo đạo Công giáo, đạo Tin lành. Riêng năm 1992, đã có hơn 10 lượt đoàn người Hmông từ các tỉnh miền núi phía Bắc về Hà Nội đến Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) để được hướng dẫn và đến Ban Tôn giáo Chính phủ cùng với đơn xin được theo đạo Tin lành - Vàng Trứ.

Từ năm 1992, 1993, sau một thời gian cầu nguyện, thực hành theo nghi thức đạo Công giáo, số người Hmông đã nhận thấy giáo lý, nghi thức, thủ tục

hành lễ của tôn giáo này có nhiều điều nghiêm ngặt, khắt khe, phức tạp, nhiều điểm không giống với đạo được rao giảng trên đài FEBC. Đồng thời, lúc này được Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) hướng dẫn về mặt tôn giáo, đài FEBC “hiệu chỉnh” theo đúng tâm lý và nghi thức Tin lành. Vì thế những người Hmông theo Vàng Trứ lại chuyển sang theo đạo Tin lành.

*Đây là giai đoạn đầu của việc truyền đạo và theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Có thể rút ra một số điểm chú ý của giai đoạn truyền đạo này như sau:*

*Thứ nhất,* việc tiếp thu đạo Tin lành và truyền đạo Tin lành không chính thống, chủ yếu là qua nghe đài, sau đó được thêm thắt, bổ sung thậm chí là bịa đặt, nhất là khai thác tin đồn cùng những lời bịa đặt về ngày tận thế đến gần (năm 2000) để tuyên truyền lôi kéo người vào đạo.

*Thứ hai,* khai thác tâm lý xung vua, đón vua của người Hmông nên đài FEBC và những người truyền đạo Tin lành trong thời kỳ này đã lồng vào đưa ra hình ảnh Thiên Chúa có những yếu tố của một vị vua trần thế tạo ra Vàng Trứ để thu hút người Hmông đến với đạo Tin lành mà không cảm thấy lạ lùng, bất cập. Như vậy, đạo Tin lành đã bình dân hóa, dân tộc hóa, Hmông hóa để thành công trong việc truyền giáo.

*Thứ ba,* việc truyền giáo chủ yếu là gián tiếp, qua đài FEBC, không có hoạt động truyền giáo trực tiếp của các nhà truyền giáo. Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) cũng như Giáo hội Công giáo Việt Nam trước hiện tượng đạo Vàng Trứ thờ Giê-xu đều ứng xử trong tình thế bị động.

*Bốn là,* vì là truyền giáo gián tiếp - không chính thức và không chính thống, lại truyền đến một dân tộc có trình độ dân trí thấp gắn với nhiều yếu tố tín ngưỡng truyền thống nên đạo Tin lành bị sai lạc nhiều. Đặc biệt đạo Tin lành đến với người Hmông với tính cách như vậy đã tạo ra mâu thuẫn trong gia đình, dòng họ, làng bản, gây đình trệ sản xuất, làm mất ổn định xã hội.

*Thứ năm*, việc truyền đạo và theo đạo Tin lành của người Hmông ở giai đoạn này cũng làm các cấp chính quyền bất ngờ. Mặc dù có chính sách đổi mới về tôn giáo nhưng vì quá mới nên các địa phương vẫn nhận thức không đầy đủ nên việc ứng xử với đạo Vàng Trứ Tin lành chủ yếu vẫn là ngăn cấm.

### ***1.2.2. Giai đoạn thứ hai (từ 1992 - 2004)***

Chúng tôi lấy thời mốc năm 1992 mở đầu giai đoạn hai truyền đạo và theo đạo Tin lành của người Hmông ở miền núi phía Bắc là bởi năm 1992 là năm thực hiện chủ trương xóa bỏ cây thuốc phiện, điều này đã tác động rất lớn đến đời sống kinh tế của người Hmông - dân tộc có nền “kinh tế thuốc phiện”. Năm 2004 là năm trước khi Thủ tướng ra Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg, ngày 04 tháng 02 năm 2005, *Về một số công tác đối với đạo Tin lành* (Chỉ thị số 01/2005/CT - TTg). Điều này cũng đã tác động rất mạnh đến vấn đề đạo Tin lành ở Việt Nam trong đó có việc người Hmông theo đạo Tin lành.

Đây là giai đoạn đạo Tin lành phát triển rất nhanh, diễn biến phức tạp về mặt tôn giáo, dân tộc và xã hội, cụ thể về mặt số lượng ở từng địa phương như sau:

Ở các tỉnh vùng núi cao biên giới phía Tây Bắc số lượng tín đồ tăng nhanh hơn cả. Cụ thể ở tỉnh Lào Cai, tính đến tháng 8 năm 1999 số người chịu ảnh hưởng của đạo Tin lành là 14.000 người; ở tỉnh Lai Châu là 14.000 người; tỉnh Hà Giang là 10.000 người; tỉnh Cao Bằng là 14.000 người.

Ở các tỉnh phía dưới số người theo đạo Tin lành tăng ít hơn so với vùng cao biên giới. Cụ thể: Tuyên Quang là 6.000 người; Bắc Cạn là 11.000 người; Sơn La là 4.000 người; Thái Nguyên là 4.000 người.

Đặc biệt, trong thời gian này số người Hmông theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc do bị tác động từ phía chính quyền đã di cư vào Thanh Hóa, làm xuất hiện ở tỉnh này một cộng đồng người theo đạo Tin lành ở huyện Mường Lát với số lượng hơn 3.500 người; đồng thời tăng cường sự di

cư vào Tây Nguyên ở hai tỉnh Đắc Lắc, Đắc Nông với số lượng gần 20.000 người.

Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 1996 cả nước có gần 80.000 người Hmông theo đạo Tin lành thì đến năm 2004 tăng lên là 105.000 người Hmông (chiếm 13% tổng số người Hmông) ở 735/2.384 bản Hmông theo đạo Tin lành, trong đó, các tỉnh giáp biên giới với Lào chiếm gần 50% số người theo đạo Tin lành. Riêng ở Tây Bắc, có 58.000 người Hmông ở 506 bản theo đạo. Ngoài những người Hmông theo đạo Tin lành, ở giai đoạn này còn có các dân tộc khác như Dao, Thái, Pà Thẻn,... với khoảng 30.000 người [13, tr.5].

*Sự phát triển của đạo Tin lành ở giai đoạn thứ hai (1992 - 2004) có một số điểm chú ý như sau:*

- *Một là*, đạo Tin lành phát triển mạnh mẽ hơn, công khai hơn tạo ra lực lượng đông đảo so với giai đoạn trước. Những người đứng đầu truyền đạo có quan hệ với số 2 - ngõ Trạm - trụ sở của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) chặt chẽ hơn. Từ đầu năm 1993, có nhiều đối tượng truyền đạo ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã quyên góp tiền đi về Hà Nội, đến Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) để xin học đạo, xin tài liệu và mẫu đơn in sẵn để về phân phát cho các hộ xin theo đạo Tin lành. Tại đây, họ đã được các mục sư, truyền đạo giảng giải về giáo lý của đạo Tin lành. Từ đó những người này đã về các bản tích cực phân phát tài liệu cho đồng bào, lập danh sách nhân khẩu từng thôn bản gửi lên các cấp chính quyền đòi được theo đạo Tin lành.

- *Hai là*, cùng với việc tăng nhanh số lượng người theo đạo Tin lành ở các bản người Hmông là sự hình thành một cách cơ bản các thành tố liên quan đến đạo Tin lành. Cụ thể là các điểm nhóm theo bản thực hiện cơ chế như tổ chức Hội thánh cơ sở (Chi hội), có người đứng đầu (trưởng điểm nhóm) tự nhận, thậm chí có cả chức vụ truyền đạo (cũng tự nhận), có Ban chấp sự với



các chức danh cụ thể,... Đặc biệt là có sự liên hệ về tổ chức với các tổ chức Tin lành, trong đó có cả tổ chức Tin lành đã được Nhà nước công nhận và chưa được công nhận, trong đó đa số liên hệ với Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc). Các hoạt động truyền đạo có tính tổ chức hơn và có hiện tượng ở bên ngoài can thiệp rõ ràng hơn, thông qua các tổ chức Tin lành hoặc Phi Chính phủ của Tin lành, của các Việt kiều,...

- *Ba là*, việc theo đạo Tin lành nhanh và mở rộng địa bàn đã dẫn đến sự khác biệt về văn hóa, lối sống; cộng thêm đặc tính cực đoan về đức tin của đạo Tin lành đã làm tăng thêm tình trạng mất đoàn kết giữa dân tộc Hmông với các dân tộc khác; mất đoàn kết trong nội bộ người Hmông, thậm chí trong từng gia đình. Vai trò quan trọng của già làng, trưởng bản, trưởng họ nay phải nhường chỗ cho những người tích cực truyền đạo. Lực lượng truyền đạo hoạt động có sự liên kết, thống nhất với nhau không chế đồng bào trên nhiều lĩnh vực trong cuộc sống. Ở một số nơi họ còn đe dọa bắt đồng bào phải đóng góp tiền của để làm kinh phí hoạt động. Ngoài ra họ còn đe dọa, cô lập cán bộ. Nhiều địa phương xuất hiện tình trạng khiếu kiện, làm chính quyền khó khăn, lúng túng trong việc giải quyết.

- *Bốn là*, nhìn chung đa số địa phương vẫn giữ quan điểm “không cho theo đạo Tin lành” với lý luận trước nay không có đạo Tin lành. Các biện pháp hành chính vẫn được áp dụng ở một số địa phương đối với việc truyền đạo và theo đạo Tin lành. Tuy nhiên, một số địa phương đã tỏ ra khoan dung hơn, đúng hơn là sự bất lực trước việc ngăn cấm đạo Tin lành truyền vào người Hmông. Có một thực tế đặt ra là địa phương nào nói mở đối với việc truyền đạo và theo đạo Tin lành thì các hoạt động của đạo Tin lành trở thành bình thường, các tác động tiêu cực cũng giảm đi. Nếu so sánh, khu vực Việt Bắc vấn đề Tin lành không “nóng” như khu vực Tây Bắc.

### ***1.2.3. Giai đoạn thứ ba (từ 2005 đến nay)***

Ngày 4 tháng 2 năm 2005, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg *Về một số công tác đối với đạo Tin lành*. Với chủ trương nhìn nhận và từng bước bình thường hóa hoạt động của đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Từ đó, đạo Tin lành trong dân tộc Hmông diễn biến theo xu hướng ổn định. Theo Ban Tôn giáo phủ ở thời điểm năm 2005, khi triển khai Chỉ thị số 01/2005/CT - TTg, số người dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc là 110.000 người, trong đó chủ yếu là dân tộc Hmông, ở 927 bản. Đến năm 2012, số người Hmông theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc tăng lên đến 170.000 người (không kể khoảng 37.000 người Hmông theo đạo Tin lành di cư vào Tây Nguyên). Nếu so với năm 2005, thì số người theo đạo Tin lành vẫn tăng nhanh, vì trong bảy năm (2005 - 2012) đã tăng thêm 60.000 người. Số liệu cụ thể ở từng tỉnh năm 2012 như sau:

- Điện Biên: 36.000 người;
- Lai Châu: 35.000 người;
- Hà Giang: 25.000 người;
- Cao Bằng: 16.000 người;
- Bắc Cạn: 11.000 người;
- Tuyên Quang: 8.000 người;
- Sơn La: 5.300 người;
- Thanh Hóa: 4.200 người;
- Thái Nguyên: 4.000 người [13, tr.7].

Qua bảy năm thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT - TTg các tỉnh miền núi phía Bắc đã đạt được kết quả quan trọng. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 2012, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có 332 điểm nhóm Tin

lành được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg, trên tổng số 1.400 điểm nhóm [13, tr.8].

Như vậy, so với thời kỳ đầu phát triển đạo Tin lành, đến nay số lượng người Hmông theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã tăng rất đáng kể cả về số lượng, địa bàn ảnh hưởng.

*Từ sự phát triển đạo Tin lành trong người Hmông giai đoạn 2005 đến nay có thể rút ra một số đặc điểm như sau:*

- *Một là*, số lượng người theo đạo Tin lành nếu nhìn qua con số thì tăng rất nhiều. Nhưng thực ra, số mới theo đạo Tin lành so với năm 2005 không tăng nhiều mà tăng do việc nhà nước cho phép công khai hoạt động, nên người theo đạo Tin lành đã tự nhận mình là theo đạo Tin lành mà trước đó không dám khai, dám nhận.

- *Hai là*, nhìn chung, đạo Tin lành phát triển theo hướng công khai, các sinh hoạt tôn giáo đã đi vào nền nếp, ổn định hơn, không còn tình trạng sinh hoạt lén lút như thời gian trước đây, những tác động tiêu cực về tôn giáo và xã hội giảm dần.

- *Ba là*, thực hiện Chỉ thị 01/2005/CT-TTg, các địa phương đã hướng dẫn đồng bào tự do sinh hoạt tôn giáo tại gia đình, nơi có điều kiện thì cho đăng ký điểm nhóm hoạt động. Đa số các địa phương thực hiện tốt chính sách đối với đạo Tin lành, tuy nhiên một số địa phương do nhận thức việc triển khai Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg còn chậm trễ nên ở những địa phương này vấn đề Tin lành đôi khi vẫn còn là điểm nóng cần quan tâm.

- *Bốn là*, trong quá trình truyền đạo và theo đạo Tin lành các địa phương rất quan tâm vận động người theo đạo Tin lành trở lại tín ngưỡng truyền thống sẽ được tạo điều kiện thuận lợi. Tuy nhiên, việc trở về với tín ngưỡng truyền thống trên thực tế không có kết quả, hầu như không có người bỏ đạo Tin lành trở về với tín ngưỡng truyền thống.

- *Năm là*, ngoài Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) còn có nhiều hệ phái Tin lành đến các tỉnh miền núi phía Bắc truyền đạo như: Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam, Hội thánh Báp-tít Việt Nam, Hội thánh Ngũ tuần Việt Nam, Hội truyền giảng phúc âm,... trước tình hình đó, cộng thêm với tính tự do của đạo Tin lành nên đã diễn ra sự tranh giành người theo đạo giữa các tổ chức và hệ phái. Điều này cũng gây ra sự mất ổn định cục bộ ở một số nơi. Giai đoạn này yếu tố nước ngoài, có liên quan đến đạo Tin lành vẫn còn tác động nhưng ít gây ra tác động tiêu cực như trước.

Như vậy, chỉ trong thời gian hơn 25 năm từ con số không - có thể nói như vậy, đạo Tin lành đã xâm nhập và phát triển ở 14 tỉnh miền núi phía Bắc nước ta, tạo thành một thực thể tôn giáo có tính quần chúng khá rộng rãi. Điều đáng quan tâm ở đây đó là những nguyên nhân nào đã dẫn đến sự phát triển nhanh chóng, thậm chí có lúc được coi là “phong trào” của đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc Hmông.

### **1.3. Nguyên nhân phát triển đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc**

Trước hiện tượng truyền đạo và theo đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc, có nhiều ý kiến và thái độ khác nhau. Về nguyên nhân, không ít ý kiến nhất là từ các địa phương và ngành an ninh cho rằng đây là “diễn biến hòa bình” của Mỹ và các thế lực thù địch, cũng có ý kiến đơn giản cho rằng theo đạo là do truyền đạo. Vào năm 1994, trong một báo cáo của Vụ Tin lành - Ban Tôn giáo Chính phủ, tác giả Nguyễn Thanh Xuân đã phân tích “*một tập hợp*” các nguyên nhân về kinh tế, văn hóa xã hội và tư tưởng của việc một bộ phận người Hmông theo đạo Tin lành mà “giai đoạn trước không có hoặc không đủ” [10, tr.8]. Trong báo cáo này, tác giả Nguyễn Thanh Xuân đã đặt ra ba câu hỏi: *một là*, tại sao người Hmông lại theo đạo Tin lành mà không phải là người Tày, người Thái,... *hai là*, tại sao

lại theo đạo Tin lành vào giữa những năm 1980, rộ lên đầu những năm 1990, mặc dù việc truyền đạo bằng tiếng Hmông của đài FEBC trước đó hơn 20 năm; *ba là*, tại sao lại theo đạo Tin lành mà không phải là Công giáo hay Phật giáo. Dựa vào ý kiến của tác giả Nguyễn Thanh Xuân, chúng tôi xin mở rộng việc tìm hiểu nguyên nhân của việc một bộ phận đồng bào dân tộc Hmông theo đạo Tin lành bao gồm các nguyên nhân như sau:

### ***1.3.1. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân quá khó khăn***

Dân tộc Hmông thường cư trú ở những vùng núi cao, nền kinh tế chủ yếu vẫn mang tính chất tự cung, tự cấp, phương thức canh tác chính là đốt rừng làm nương rẫy, khai phá ruộng bậc thang. Do vậy, trong các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc thì người Hmông là người được quan tâm theo cách riêng, được bao cấp nhiều nhất. Vào giữa những năm 1980, cuộc sống của đồng bào Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc gặp rất nhiều khó khăn do xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp. Sau đó, diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, lâm sản ít đi, đặc biệt là vào năm 1991 Đảng và Nhà nước ta chủ trương xóa bỏ cây thuốc phiện - vốn là nguồn sống chủ yếu của đồng bào Hmông. Xóa bỏ cây thuốc phiện là chủ trương đúng, nhưng thời kỳ đầu xóa bỏ cây thuốc phiện việc lấy cây gì, con gì thay thế chưa có nên làm cho đời sống của đồng bào càng khó khăn hơn. Có thể nói, xóa bỏ cây thuốc phiện được ví như là một “cú sốc” về kinh tế đối với một bộ phận người Hmông.

Việc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường đã giúp đất nước ta thoát khỏi được khủng hoảng, từ đó ổn định và tăng trưởng kinh tế. Nhưng cũng chính nền kinh tế thị trường đó đã làm cho sự phân hóa giàu nghèo ngày càng trở nên sâu sắc, giữa miền núi với đồng bằng, giữa vùng sâu, vùng xa với thành phố, thị xã; giữa người Hmông với các dân tộc khác.

Từ những điều phân tích trên đây để thấy có lý khi tác giả Nguyễn Thanh Xuân đặt vấn đề tại sao người Hmông lại theo đạo Tin lành giữa những

năm 1980 - khi đất nước xóa bỏ cơ chế bao cấp, bắt đầu chuyển sang cơ chế thị trường; tại sao người Hmông theo đạo Tin lành lại tăng lên mang tính “đột biến” vào đầu những năm 1990 - khi Nhà nước ta có chủ trương xóa bỏ cây thuốc phiện - nguồn kinh tế quan trọng của người Hmông ở Việt Nam. Xét về phương diện đời sống kinh tế liên quan đến tôn giáo, các nhà kinh điển đã nói “*nghèo đói là cơ hội của Chúa*”.

Trong thời gian qua Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm đến đời sống kinh tế xã hội của đồng bào Hmông như trợ cấp cho đồng bào, đầu tư vốn phát triển các dự án, các ngành sản xuất, vận động định canh định cư để ổn định cuộc sống cho đồng bào. Nhưng một phần do vốn đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu của các dự án, một phần yếu kém do chủ quan trong việc đánh giá hiệu quả đầu tư, đồng thời do trình độ sản xuất ở đây còn thấp kém, giao thông đi lại khó khăn, địa hình phức tạp đã tạo ra những khó khăn cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, đời sống của đồng bào Hmông vẫn còn nhiều khó khăn. Hiện nay, các tỉnh Tây Bắc được xếp vào loại nghèo nhất cả nước, trong đó Lai Châu và Điện Biên là hai tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất toàn quốc. Sau hơn ba mươi năm đất nước thống nhất, đến năm 2009, tỷ lệ hộ nghèo ở Điện Biên là 36,75%. Còn Lai Châu, đến năm 2006, hộ nghèo chiếm 50,9%; ở một số xã tỷ lệ này là trên 90%. Huyện Sìn Hồ và Mường Tè của tỉnh này đến nay vẫn là hai huyện nghèo nhất nước [79]. Theo đó, ở hai tỉnh này trong thời gian qua, tình hình đạo Tin lành trở nên phức tạp hơn nhiều so với các tỉnh khác trong khu vực.

Đời sống vật chất khó khăn, kéo theo đời sống văn hoá tinh thần của đồng bào lại quá nghèo nàn. Người dân không có phương tiện để thưởng thức văn hoá, văn nghệ, giải trí; nhiều sinh hoạt văn hoá dân tộc truyền thống tốt đẹp bị mai một; phát thanh, truyền hình còn hạn chế cả về nội dung và diện phủ sóng. Ở nhiều địa phương, đời sống tinh thần của đồng bào hầu như

không có gì đáng kể ngoài các cuộc tang lễ, cưới xin, cúng tế với hủ tục nặng nề, tốn kém.

Những khó khăn về đời sống vật chất cộng với những thiếu hụt về đời sống tinh thần đã làm cho cuộc sống của đồng bào trở nên bế tắc, khủng hoảng niềm tin, họ hy vọng vào những lực lượng siêu nhiên, thần bí, tin vào sự cứu vớt của những nhân vật ảo tưởng. Trong hoàn cảnh như vậy đài Manila đã thuyết phục được một số người Hmông theo đạo Tin lành. Mặt khác, khi truyền đạo các lực lượng truyền đạo đã lợi dụng tình trạng khó khăn về kinh tế của đồng bào để thực hiện mục đích truyền đạo Tin lành thông qua việc trợ cấp tiền, đồ la, dịch vụ sinh hoạt,...vì thế có không ít đồng bào tin theo, vì hỗ trợ vật chất lúc này dù ít nhưng là “một miếng khi đói bằng một gói khi no”.

Như vậy, trình độ thấp kém về kinh tế và những khó khăn trong đời sống là một trong những nguyên nhân cơ bản của việc một bộ phận người Hmông theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta. Thực tế này đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ đó là không ngừng tăng cường các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất từ đó góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân trong vùng.

### ***1.3.2. Từ đặc điểm lịch sử và văn hoá của dân tộc Hmông***

Người Hmông đã từng là một trong những chủ nhân của một quốc gia phong kiến có nền văn hoá khá phát triển gắn với vương quốc Tam Miêu (TCN), từng “xung hùng tranh bá” với người Hán ở phía Bắc và các tộc người khác trong khu vực. Trong quá trình người Hán bành trướng xuống phía nam sông Dương Tử, người Hmông từng bước mất dần đất đai cư trú xưa, bị phân chia thành các nhóm Hmông. Đến cuối đời nhà Đường, do sự đàn áp và bóc lột của người Hán, phần lớn người Hmông di cư xuống các tỉnh Hồ Nam, Quý Châu. Vào các triều đại nhà Tống, Nguyên, người Hmông liên tục nổi dậy

chống lại sự áp bức của người Hán, bị người Hán đàn áp đẫm máu “người Miêu chết không biết bao nhiêu mà kể, xương chát thành núi, máu chảy thành sông”, buộc họ phải di cư xuống phía Nam các tỉnh Tứ Xuyên, Quảng Châu, Vân Nam. Tại vùng đất mới, người Hmông vẫn kiên cường chống lại sự áp bức bóc lột, đồng hoá của người Hán”, cứ 20 năm có một cuộc khởi nghĩa vừa, 70 năm có một cuộc khởi nghĩa lớn.

Dưới các triều đại phong kiến Minh (1441 - 1843) và Thanh (1844 - 1911), giai cấp phong kiến Hán đã đẩy mạnh chính sách đồng hoá và tiêu diệt các tộc người không thuần phục người Hán với một loạt các chính sách mới được thực thi ở vùng người Hmông và đẩy họ vào bước đường cùng, buộc họ phải nổi dậy.

Nhiều cuộc khởi nghĩa lớn ở thời kỳ này tiếp tục nổ ra, cho đến nay còn in đậm trong kí ức các thế hệ người Hmông, nhất là cuộc nổi dậy do Trương Tú Mi lãnh đạo người Hmông tham gia phong trào Thái Bình Thiên Quốc (1853 - 1871). Trong các năm 1735, 1736, 1800, 1801, 1846 người Hmông đã tập hợp dưới cái gọi là “vua Miêu xuất thế” để đấu tranh chống lại chính sách đồng hoá dân tộc, cướp đất đai, xua đuổi của quan lại nhà Hán. Nhưng tất cả các cuộc khởi nghĩa của người Hmông đều bị người Hán đàn áp đẫm máu. Những thiên sử khốc liệt ấy còn ghi đậm trong tiềm thức dân tộc Hmông.

Người Hmông đến Việt Nam mới khoảng 200 - 300 năm nay. Có ba đợt di cư lớn vào vùng cao nguyên Đông Văn (Hà Giang), Lào Cai và Tây Bắc [71, tr.18]. Các đợt di cư nhỏ của người Hmông vào nước ta kéo dài đến năm 1949.

Từ lịch sử, văn hóa và tâm lý dân tộc Hmông chúng ta nhận thấy: Dân tộc Hmông đã từng là một dân tộc có trình độ văn minh tương đối phát triển. Đây là một dân tộc có bề dày lịch sử và truyền thống đấu tranh kiên cường chống lại quá trình bành trướng và đồng hoá các dân tộc nhỏ của triều đại



phong kiến nhà Hán. Lịch sử đó với những trang thắm đẫm máu và nước mắt của biết bao cuộc khởi nghĩa bị thất bại, bị đàn áp khốc liệt. Lịch sử đó gắn liền với các thế hệ người Hmông trên con đường từ bỏ “quê cha đất tổ” tìm quê hương mới ở các quốc gia Đông Nam Á. Dấu ấn lịch sử hào hùng, bi tráng ấy đã in đậm vào ký ức người Hmông khiến họ vừa có niềm tự hào của một dân tộc đã từng có “một thời oanh liệt”, vừa tiềm ẩn nỗi xót xa cho thân phận tha hương li tán của dân tộc mình. Chính vì thế họ luôn khát vọng về một “vị cứu tinh”, “thủ lĩnh” xuất hiện, dẫn họ trở lại thời “hoàng kim” xưa. Biểu tượng về một “ông vua” tài giỏi, có đủ khả năng dẫn dắt người Hmông vượt qua mọi đau khổ, đi tìm “miền đất hứa” không phai mờ, luôn tiềm ẩn trong tâm thức của dân tộc này. Do vậy, nguyên nhân trực tiếp cho phong trào đấu tranh của người Hmông ở các thời kỳ lịch sử đều mở đầu bằng các tín hiệu “vua xuất thế”, “đi tìm tổ quốc Hmông”, gây tâm lý xao động trong đời sống tinh thần đồng bào. Phải chăng trong sâu thẳm tiềm thức của người Hmông có một nỗi nhớ da diết, nỗi tiếc thương, cả nỗi oán giận về một thời “vàng son”, “dĩ vãng” khó mà giải trừ ra khỏi đời sống tâm linh của dân tộc này. Một thứ tiềm ẩn đã chìm sâu vào thế giới vô thức, nhưng khi gặp điều kiện đánh thức dậy thì gây ra cảm xúc tập thể mạnh mẽ, cuốn hút mọi người theo tiếng gọi của cái “thiên”. Họ rơi vào cảm xúc muốn thoát ra khỏi cuộc sống hiện tại để bay vào một thế giới hoang tưởng xa vời với “tầng trời sáng sủa”, để rồi rốt cuộc vẫn là cuộc sống bên núi đá, sương mù, đói nghèo, bệnh tật, mù chữ. Trong hoàn cảnh đó, lực lượng truyền đạo Tin lành đã tranh thủ thời cơ để ra sức phát triển đạo.

Như vậy, trong niềm tự hào về một dân tộc đã từng có một thời phát triển hùng mạnh, người Hmông cũng luôn tiềm ẩn tình cảm xót xa cho thân phận tha hương của dân tộc mình. Thêm vào đó là cuộc sống hiện tại với đầy rẫy những khó khăn nơi “đất khách quê người”. Từ đó, làm cho cuộc sống của

người Hmông trở nên bết tắc, chao đảo. Trong tâm thức của họ luôn ước mơ có một “thủ lĩnh” tối cao để giúp đỡ họ cả về đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Tất cả những đặc điểm về mặt lịch sử và văn hoá của dân tộc Hmông là nguyên nhân trực tiếp làm cho đạo Tin lành có cơ hội phát triển trong vùng đồng bào dân tộc Hmông ở khu vực này. Điều này lý giải cho câu hỏi mà tác giả Nguyễn Thanh Xuân đã đặt ra, đó là tại sao người Hmông theo đạo Tin lành mà không phải là dân tộc Tày, dân tộc Thái, dân tộc Nùng,...

### ***1.3.3. Phong tục tập quán lạc hậu, trình độ dân trí thấp***

Dân tộc Hmông có truyền thống văn hoá rất đặc sắc, thể hiện qua những phong tục tập quán, dân ca, dân vũ, truyện cổ tích, thần thoại. Những truyền thống, phong tục tập quán đó đã trở thành cốt cách và sức sống của dân tộc Hmông. Tuy nhiên, cùng với thời gian, ngày nay có nhiều phong tục tập quán đã bị mai một, thất truyền. Đồng thời có nhiều phong tục tập quán đã trở nên lạc hậu không còn phù hợp với tồn tại xã hội mới của đồng bào, trở thành gánh nặng với họ. Điều đó đã trở thành một nguyên nhân quan trọng làm cho người Hmông từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Tin lành.

Bên cạnh những sinh hoạt văn hoá tốt đẹp, những thuần phong mỹ tục của đồng bào Hmông, là những phong tục tập quán đã trở nên lạc hậu, rườm rà, hủ tục không còn phù hợp vẫn tồn tại trong đời sống đồng bào, như vấn đề tổ chức tang ma, cưới xin, cúng bái. Việc tổ chức đám cưới theo phong tục của đồng bào rườm rà, ăn uống kéo dài, tốn hàng trăm đồng bạc trắng. Hơn nữa, sau khi cưới xong kéo theo sự xa xút về kinh tế. Nhưng nếu tổ chức đám cưới theo đạo Tin lành thì đơn giản hơn, chỉ tốn hai đồng bạc trắng. Việc tổ chức đám tang cũng vậy, khi bố mẹ chết những người con trai phải làm sao lo cho đủ mỗi người một con trâu để báo hiếu bố mẹ. Bên cạnh đó là những nghi lễ nhà từ 7 đến 10 ngày mới đem chôn, sau đó phải làm ma khô, mổ trâu, mổ lợn để ăn cả làng, cúng lễ, hát suốt ngày đêm. Nhưng nếu theo đạo Tin lành

việc tổ chức đám tang đơn giản hơn, khi có người chết không mổ trâu, bò, lợn, gà, không để lâu trong nhà. Khi đồng bào bị đau ốm thì dùng thuốc chữa bệnh chứ không phải đón thầy mo, thầy cúng về nhà làm lễ tốn kém. Trong khi đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn thì những phong tục, tập quán đó, trong thực tế đã trở thành “gánh nặng” trong đời sống và sinh hoạt của người dân. Theo đạo Tin lành đồng bào sẽ trút bỏ được nỗi lo cả về mặt tâm lý lẫn mặt kinh tế. Người Hmông có lý khi nói: *đường nào cũng thờ một con ma, nhưng thờ con ma Giê-su đỡ tốn kém hơn* [10, tr.8].

Hiện nay, mặc dù đất nước đang ở thời kỳ phát triển của nền kinh tế thị trường nhưng các loại hình văn hoá văn nghệ, chiếu phim đến với các bản làng còn rất hiếm hoi. Có bản trong thời gian từ 5 đến 6 năm người dân không được xem một bộ phim nào. Các chương trình phát sóng của đài phát thanh địa phương và trung ương đến với vùng cao còn nhiều hạn chế. Một phần do diện tích phủ sóng đạt thấp, chẳng hạn ở Sơn La, từ năm 1993 trở về trước ở vùng cao của tỉnh không xem được truyền hình. Cho đến nay mới có 43% dân số được phủ sóng truyền hình và khoảng 50% địa bàn của tỉnh được phủ sóng phát thanh, nhưng chủ yếu vẫn là vùng thấp. Một phần khác là do người dân thiếu phương tiện nghe nhìn như radio, tivi, và các loại hình báo chí. Hơn nữa, nội dung các chương trình truyền hình, phát thanh, báo chí phục vụ đồng bào của chúng ta chưa kịp đổi mới bám sát nhu cầu thưởng thức văn hoá của dân tộc Hmông. Trong khi đó, các đài phát thanh nước ngoài tuyên truyền về đạo lại làm được điều này.

Tất cả những hạn chế về công tác văn hoá tư tưởng trong vùng đồng bào Hmông như trên cũng là một vấn đề đặt ra khiến chúng ta phải suy nghĩ để tìm ra các biện pháp khắc phục.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-xít, nguồn gốc nhận thức là một trong những nguồn gốc cơ bản làm xuất hiện và phát triển tôn giáo. Tôn giáo

xuất hiện là do trình độ nhận thức của con người về tự nhiên và xã hội còn hạn chế. Vì không lý giải được các hiện tượng tự nhiên, nên tự nhiên trở thành lực lượng xa lạ đối với con người, con người sùng bái tự nhiên, đó là cơ sở ban đầu để hình thành ý thức tôn giáo.

Như vậy, sự hạn chế về nhận thức của con người là một trong những nguyên nhân cơ bản của sự phát triển tôn giáo nói chung, cũng như sự phát triển của đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông nói riêng. Theo số liệu điều tra năm 1998, tỷ lệ người Hmông mù chữ chiếm 87,7%. Số người có trình độ trung học chỉ chiếm 0,8% và trình độ đại học là 0,001%. Tình trạng mù chữ và tái mù chữ còn phổ biến khiến cho việc nâng cao dân trí, tuyên truyền vận động đồng bào tiếp thu khoa học, văn hoá và giáo dục gặp rất nhiều khó khăn. Theo Báo cáo của Ban Dân vận tỉnh Lai Châu, tháng 3 năm 1998, riêng xã Trà Cang có 41 bản thì 33 bản không có giáo viên. Trong thực tế, 100% số người Hmông khai có trình độ cấp 2 thì đều không viết được chữ phổ thông. Trong khoảng 10 người học hết lớp 4 chỉ có 1 người có khả năng đọc được công văn với nội dung đơn giản.

Do trình độ dân trí thấp nên người Hmông bị hạn chế trong việc chiếm lĩnh những tri thức khoa học, nắm bắt thế giới quan duy vật biện chứng, vận dụng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước để nâng cao đời sống. Họ không thấy hết được sự quan tâm giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương, đồng thời không phân biệt được âm mưu lợi dụng tôn giáo của kẻ địch, từ đó dễ bị kích động lôi kéo theo đạo.

Như vậy, phong tục tập quán lạc hậu, trình độ dân trí thấp là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự phát triển của đạo Tin lành trong đồng bào Hmông ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.

#### ***1.3.4. Nhu cầu mới về tín ngưỡng, tôn giáo, đạo Tin lành đã khai thác lợi thế của một tôn giáo cải cách***

Những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, trên thế giới đã diễn ra những biến đổi to lớn và không thể lường trước được trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Về chính trị, mặc dù sau chiến tranh lạnh, mâu thuẫn giữa hai hệ thống các nước trên thế giới bề ngoài có vẻ dịu đi, nhưng thực ra vẫn âm ỷ. Sự xung đột giữa các quốc gia trong một khu vực, giữa các tộc người trong một quốc gia, việc các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ, mâu thuẫn giữa các tộc người, các quốc gia vẫn đang là những nguy cơ thực tế tạo ra những đối cực mới. Về kinh tế, toàn cầu hoá, một mặt nó mang lại những ưu thế cho những nước phát triển, thì đồng thời nó lại là thách thức, nguy cơ đối với những nước đang và kém phát triển. Cùng với tăng trưởng kinh tế là những hiện tượng mất dân chủ, phân hoá giàu nghèo sâu sắc, bệnh tật, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội. Tất cả những cái đó đã tạo ra “một thế giới không thể chấp nhận được”.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật đã tạo ra cho con người một khối lượng vật chất không lồ, đáp ứng ngày càng đủ nhu cầu vật chất đa dạng của con người. Song nó lại tỏ ra bất lực trước nhu cầu tinh thần của con người. Sống trong xã hội như vậy, không ít người vẫn cảm thấy bơ vơ, lạc lõng trước cuộc đời. Trong hoàn cảnh đó nhiều người tìm đến với tôn giáo.

Nước ta bước vào thời kỳ đổi mới với nhiều thành tựu trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung được nâng cao. Tuy nhiên, được hưởng những thành quả đó chủ yếu là những người dân sống ở thành phố và vùng đồng bằng. Ngược lại, những thành quả cách mạng đem lại cho đồng bào các dân tộc thiểu số còn quá ít ỏi, cuộc sống của đa số người dân trong vùng còn rất khó khăn. Mơ ước về cuộc sống tốt đẹp mà bà con dân tộc Hmông ấp ủ, đợi chờ bao năm trở nên xa vời.

Nỗi thất vọng thay thế niềm hy vọng, nghèo đói thay thế ước mơ về sự phồn vinh. Vì thế, dù rằng tôn giáo chỉ là “hạnh phúc hư ảo”, “mặt trời ảo tưởng”, là “bông hoa giả”, song người ta vẫn muốn tìm thấy ở đây những gì để xoa dịu bớt nỗi đau trần thế.

Người Hmông giác ngộ cách mạng, theo Đảng, Bác Hồ đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhưng tiếc rằng trong thời gian qua cách mạng chưa làm được nhiều cho đồng bào. Sau sự đổ vỡ của Liên Xô và Đông Âu, cộng với những khó khăn nhiều mặt ở trong nước, lại được bọn phản động thổi phồng, xuyên tạc dưới nhiều hình thức khác nhau làm cho đồng bào hoang mang, dao động. Vì vậy làm cho niềm tin của đồng bào đối với Đảng, với xã hội mới bị xáo mòn. Chủ nghĩa xã hội như là ước mơ của đồng bào gửi gắm, hy vọng, nhưng sau thời gian xây dựng trên thực tế vẫn chưa chứng minh được những điều bà con mong muốn. Thêm vào đó là những biến động của thiên nhiên xảy ra khắp nơi trên thế giới. Ngay ở Việt Nam cũng đang phải chịu hậu quả của thiên tai như hạn hán, lũ lụt, mưa bão. Và thực tế, hiện tượng lũ cuốn trôi cả bản làng càng làm cho bà con đồng bào Hmông lo sợ. Từ đó khiến cho huyền thoại về “ngày tận thế” vốn đã có từ lâu ở họ, nay lại bị kẻ xấu kích động lại càng trở nên dễ tin.

Khó khăn chồng chất hàng ngày đã dấy lên nỗi khát vọng trong lòng mỗi con người, mỗi gia đình người Hmông, đòi hỏi một sự an ủi, thông cảm và giúp đỡ. Đúng lúc đó lực lượng truyền đạo đến tuyên truyền hình tượng Vàng Trứ - Giêsu, một nhân vật có đầy quyền thế, có khả năng đem lại cuộc đời mới ấm no, hạnh phúc cho đồng bào, yêu thương gắn bó với tất cả đồng bào. Trong điều kiện như vậy, đạo Tin lành đã nhanh chóng chiếm được vị trí trong đời sống tinh thần người Hmông.

Dân tộc Hmông có truyền thống lâu đời về thờ cúng tổ tiên, song giai đoạn này niềm tin bị khủng hoảng. Đồng bào quan niệm rằng, thờ cúng tổ tiên

đã lâu nhưng không thấy tổ tiên phù hộ cho đỡ khổ. Bây giờ theo đạo thờ Vàng Trứ - Giêsu, là “đấng tối cao” có thể giúp cho đồng bào được hạnh phúc. Do vậy, đồng bào đã bỏ tín ngưỡng truyền thống để đến với tôn giáo mới là đạo Tin lành. Đạo Tin lành phát triển trong đồng bào Hmông như một sự khoả lấp khoảng trống về mặt tâm linh của đồng bào. Nhìn chung đồng bào không hề có những ý niệm về chính trị hay những triết lý cao siêu.

Cũng cần phải nhấn mạnh đến lợi thế của đạo Tin lành về đời sống tôn giáo, đời sống xã hội khi truyền bá vào vùng đồng bào dân tộc Hmông. Đạo Tin lành là tôn giáo cải cách từ đạo Công giáo, về lối sống đạo rất “đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo”. Đặc biệt đạo Tin lành quan tâm đến nhiều khía cạnh của xã hội, tham gia tích cực vào công tác từ thiện xã hội. Nhiều người gọi đạo Tin lành là “tôn giáo xã hội”, lấy từ thiện xã hội làm phương tiện, điều kiện để truyền giáo. Không những thế, đạo Tin lành có kinh nghiệm truyền đạo trong vùng dân tộc thiểu số (không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới), nên đạo Tin lành đã nhanh chóng thâm nhập vào vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên trước đây và đồng bào dân tộc Hmông ở miền núi phía Bắc gần đây. Điều này chính là cơ sở đặt vấn đề của tác giả Nguyễn Thanh Xuân đó là vì sao đạo Tin lành lại thành công hơn đạo Công giáo hay Phật giáo, tại sao người Hmông lại theo Tin lành, không theo Phật giáo hay Công giáo, mặc dù đạo Công giáo có mặt ở miền núi phía Bắc từ thế kỷ XIX, đã có cơ sở trong người Hmông ở Sa pa (Lào Cai), Trạm Tấu (Yên Bái) còn Phật giáo có nhiều chùa, nhiều sư, có các Ban trị sự ở các tỉnh, lại được sự nâng đỡ của chính quyền địa phương.

Như vậy, sự khó khăn về kinh tế, văn hoá truyền thống lạc hậu và sự khủng hoảng niềm tin, tất cả những cái đó làm xuất hiện nhu cầu tinh thần, nhu cầu tôn giáo trong đồng bào Hmông. Trong chừng mực nhất định, đạo Tin lành đã thoả mãn được nhu cầu đó của người dân trong vùng, vì vậy việc

đồng bào Hmông theo đạo Tin lành được coi như một lối thoát trước cuộc sống hiện tại còn bế tắc.

### ***1.3.5. Sự yếu kém của hệ thống chính trị***

Một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho đạo Tin lành phát triển trong đồng bào dân tộc Hmông là sự yếu kém của hệ thống chính trị cơ sở, trong đó có sự hạn chế của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo.

Vào giữa những năm 1980 và đầu những năm 1990 khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, với cơ chế mới về kinh tế, văn hóa, xã hội đã tạo ra sự hụt hẫng nhất định về xã hội, trong đó có hệ thống chính trị ở cơ sở - nhất là vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, trước những yêu cầu mới. Công tác xây dựng Đảng chưa được chú ý đúng mức, thậm chí có địa phương không có chi bộ, không có đảng viên ở các bản làng. Các tổ chức đoàn thể hoạt động khó khăn, đơn điệu, không thiết thực, sự tồn tại trên thực tế chỉ là hình thức. Hiện tượng “bỏ trống” địa bàn trong thời gian dài là khá phổ biến. Công tác tuyên truyền đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cũng hạn chế, trong nhiều trường hợp đã không đến được với dân. Có không ít thôn bản vùng cao, vùng đồng bào Hmông trong suốt thời gian từ 2 - 3 năm liền không được nghe lãnh đạo xã phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Việc nghiên cứu vùng đồng bào dân tộc một cách có hệ thống, toàn diện về kinh tế - xã hội, về đời sống sinh hoạt, phong tục tập quán, tín ngưỡng, làm cơ sở cho việc hoạch định chủ trương, biện pháp để giải quyết tình hình chưa được quan tâm đúng mức. Hơn nữa, một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, quan liêu, xa rời quần chúng. Lực lượng cốt cán mỏng và yếu, có nơi chưa xây dựng được, từ đó làm mờ dần lòng tin của dân đối với Đảng. Trong khi đó, những người truyền đạo Tin lành lại đến với dân bằng hoạt động xã hội từ thiện của tôn giáo. Họ nói tiếng nói của đồng bào, gần bó, thăm hỏi, cảm thông và giúp đỡ đồng bào khi cần thiết. Chính những



việc làm tương chừng như nhỏ bé đó, nhưng rất cụ thể, thiết thực đã được dân tin tưởng và làm cho người Hmông đến với đạo Tin lành.

Điều ghi nhận ở cả Tây Nguyên và miền núi phía Bắc, nơi nào hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh thì tôn giáo nói chung, đạo Tin lành nói riêng khó thâm nhập và phát triển được.

Cùng với sự yếu kém của hệ thống chính trị ở cơ sở là sự yếu kém của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. Trước hết thể hiện ở việc thiếu thống nhất về nhận thức, về quan điểm đối với việc truyền đạo và theo đạo Tin lành ở đây. Sau Nghị quyết 24/TW của Bộ Chính trị (1990) và Nghị định 69/1991/NĐ - HĐBT ngày 21 tháng 3 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về chính sách đổi mới với tôn giáo đã tạo ra sự chuyển biến lớn trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam theo chiều hướng tích cực. Trên tinh thần đổi mới về chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, giáo dân, chức sắc, nhà tu hành yên tâm phấn khởi cùng đồng bào cả nước sống tốt đời, đẹp đạo. Quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân được tôn trọng, nhìn chung các tôn giáo hoạt động theo khuôn khổ pháp luật. Những vụ việc nảy sinh từ tôn giáo đã có sự phối hợp chặt chẽ để giải quyết kịp thời, vì vậy đã góp phần vào việc giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội ở nhiều khu vực.

Tuy nhiên, trong một thời gian dài, xung quanh hiện tượng Vàng Trứ và đạo Tin lành thâm nhập vào vùng dân tộc Hmông đã có nhiều cuộc khảo sát, hội thảo, văn bản hướng dẫn, nhưng các quan điểm, cách nhìn nhận, đánh giá về hiện tượng trên còn khác nhau. Từ việc nhận thức Vàng Trứ là Tin lành hay giả Tin lành vẫn còn chưa nhất quán, khiến cho việc xử lý ở các địa phương còn lúng túng, thiếu sự thống nhất. Có nơi thì buông trôi thả nổi cho những hoạt động truyền đạo trái phép, không kiểm tra theo dõi, không xử lý kịp thời, có nơi thì thô bạo dùng những biện pháp hành chính

cưỡng chế ép buộc đồng bào bỏ đạo. Những cách xử lý như vậy đã vô tình đẩy quần chúng co cụm, liên kết gắn bó với đạo Tin lành và đối lập với chính quyền.

Thực tiễn cho thấy ở những nơi chính quyền cơ sở mạnh, tổ chức Đảng và đoàn thể được củng cố, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao thì những tiêu cực phát sinh từ việc truyền đạo và theo đạo ít hơn. Ngược lại, khi chính quyền cơ sở yếu, việc truyền đạo và theo đạo gia tăng, không những thế, những người đứng đầu đã lợi dụng lời kéo, kích động quần chúng phản ứng lại chính quyền.

Trong quá trình cách mạng nói chung, cũng như trong công tác tôn giáo, vấn đề cán bộ có vị trí đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ở khu vực này nhìn chung vừa thiếu lại vừa yếu, hoạt động lại mang tính hành chính, không lăn lộn, sâu sát với đồng bào dân tộc có đạo như ngày trước giải phóng. Mặt khác, cán bộ cũng không được bồi dưỡng, đãi ngộ thỏa đáng. Trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong vùng dân tộc Hmông nói chung còn thấp, đặc biệt là sự hiểu biết về tôn giáo còn rất hạn chế. Vì vậy, dẫn đến tình trạng xử lý vụ việc tôn giáo lúng túng, xử lý sai, hoặc xem thường tính chất sự việc xảy ra. Sự hạn chế về công tác cán bộ và hệ thống chính trị nói chung là kẽ hở để kẻ xấu lợi dụng, tuyên truyền, lôi kéo, ép buộc nhân dân theo đạo. Vì vậy, cán bộ chưa nhiệt tình công tác, thiếu gắn bó với địa bàn, không kịp thời nắm bắt tâm lý, nguyện vọng của quần chúng, tạo nên địa bàn “trống” để giáo hội Tin lành và các tôn giáo lợi dụng xâm nhập, và “Đảng xa thì cha tới” là một tất yếu.

Khi nói đến vấn đề cán bộ làm công tác tôn giáo, chúng ta không thể không nhắc đến vai trò của già làng, trưởng bản, bởi vì họ là người tham gia quyết định mọi việc lớn nhỏ trong thôn bản. Nhưng giờ đây vai trò của họ rất mờ nhạt, hầu như không còn. Chính vì vậy, đường lối, chính sách của Đảng

và Nhà nước thiếu cơ sở để có thể thâm nhập vào quần chúng. Những người truyền giáo đã trở thành lực lượng có thế lực, lấn át uy tín của già làng.

Tất cả những điều đó làm cho chúng ta không nắm được quần chúng, không tranh thủ được quần chúng, và làm mất dần niềm tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng, từ đó tạo cơ sở cho đạo Tin lành phát triển. Điều này cần được khắc phục và tăng cường hơn bao giờ hết, bởi vì chính Nghị quyết 24 của bộ Chính trị về Tăng cường công tác trong tình hình mới đã chỉ rõ: nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Tóm lại, sự phát triển của đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó phải kể đến một số nguyên nhân cơ bản, đó là do đời sống vật chất và tinh thần trong vùng đồng bào còn khó khăn, do đặc điểm về lịch sử và văn hoá của dân tộc Hmông, do phong tục tập quán lạc hậu, trình độ dân trí thấp, do nhu cầu mới về tín ngưỡng tôn giáo, do sự yếu kém của hệ thống chính trị. Mỗi nguyên nhân này có vị trí và ảnh hưởng khác nhau đối với sự phát triển của đạo Tin lành. Tuy nhiên, giữa chúng lại có mối quan hệ gắn bó, không thể tách rời. Vì vậy, cần hiểu nguyên nhân phát triển đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông trong mối quan hệ tổng thể của các yếu tố trong xã hội, tránh quan điểm phiến diện, một chiều hay tuyệt đối hoá một nguyên nhân nào đó.

## **CHƯƠNG 2: ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC HMÔNG Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY**

Tôn giáo là một nhu cầu tinh thần không thể thiếu được của một bộ phận nhân dân, chính vì vậy sinh hoạt tôn giáo vừa là một quyền lợi, đồng thời vừa là một niềm hạnh phúc của nhân dân. C.Mác đã viết: “sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện sự nghèo nàn của hiện thực, vừa là sự phản kháng chống lại sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của trật tự xã hội không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” [41, tr.437 - 570]. Tuy nhiên, ở một mức độ nhất định, tư tưởng tôn giáo vẫn còn phát huy tác dụng hướng dẫn nhận thức và hành vi của một bộ phận nhân dân, hơn nữa tôn giáo còn chứa đựng một số nhân tố giá trị văn hóa, phù hợp với đạo đức, đạo lý của xã hội.

Sự xâm nhập và phát triển “bất bình thường” của đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có đồng bào dân tộc Hmông trong những năm qua đã và đang gây ra những tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của xã hội cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, tình cảm, tín ngưỡng tâm linh của quần chúng. Những ảnh hưởng đó rất đa dạng, đan xen lẫn lộn cả yếu tố tích cực lẫn những tiêu cực.

### **2.1. Ảnh hưởng tích cực**

Ra đời ở phương Tây, đạo Tin lành chứa nhiều yếu tố tích cực gắn với quá trình phát triển của xã hội hiện đại. Khi du nhập vào đời sống của đồng bào các dân tộc ít người nói chung và người Hmông nói riêng ở miền núi phía Bắc, đạo Tin lành đã có những tác động tích cực, nhân văn, bằng lối sống khoa học, xóa bỏ những hủ tục lạc hậu và không phù hợp với cuộc sống hiện nay.

### ***2.1.1. Ảnh hưởng đối với đời sống tín ngưỡng, văn hóa***

Chúng ta đều biết, tín ngưỡng, tôn giáo là đời sống tâm linh, là niềm tin của con người vào thế giới siêu nhiên (phi tự nhiên). Trên thực tế có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc, các tộc người, các vùng địa lý, văn hóa khác nhau. Do đặc điểm lịch sử, văn hóa và tộc người, người Hmông sinh sống ở các tỉnh miền núi phía Bắc có đời sống tín ngưỡng rất phong phú với nhiều loại hình thờ cúng của tín ngưỡng đa thần mang tính nguyên thủy, đã được hình thành và lưu giữ từ rất lâu.

Một đặc trưng cơ bản của đạo Tin lành là thờ nhất thần - Thiên Chúa, chỉ có đức tin đối với Thiên Chúa, không có đức tin nào khác. Do vậy, khi những người Hmông theo đạo Tin lành, họ đã bỏ toàn bộ hệ thống tín ngưỡng cũ. Đức tin mới được thay cho đức tin cũ - điều này chúng tôi không đánh giá tác động tích cực hay tiêu cực, vì suy cho cùng, đức tin này thay cho đức tin kia. Ở đây, chúng tôi quan tâm đến sự vận động của tín ngưỡng, tôn giáo. Gần như quy luật, các cộng đồng dân cư, các cộng đồng tộc người đều chuyển từ niềm tin đa thần sang niềm tin nhất thần, chuyển từ tín ngưỡng sang tôn giáo, một sự vận động “đi lên” mang tính phổ biến. Điều quan trọng là từ sự vận động ấy sẽ có tác động tích cực đến văn hóa, xã hội, đúng hơn là, tạo sự thuận lợi trong việc đón nhận những yếu tố tích cực về văn hóa, xã hội.

Văn hóa, xét trên khía cạnh ăn, mặc, ở, đi lại, giao tiếp gia đình, xã hội, ngôn ngữ, chữ viết, văn học, nghệ thuật,... thì ở những khía cạnh này, đạo Tin lành tác động khá nhiều. Tuy nhiên, ở mỗi khía cạnh lại có mức độ khác nhau.

Trên thực tế, người Hmông ở miền núi phía Bắc theo đạo Tin lành, các yếu tố về ăn, mặc, hầu như không thay đổi so với truyền thống. Người Hmông vẫn sử dụng lương thực chủ yếu là ngô - đặc trưng nông sản gắn với vùng núi cao, thực phẩm vẫn là gia cầm, gia súc, các món ăn truyền thống như thắng cố, bánh giầy, cháo,... vẫn duy trì. Tuy nhiên có hai điều mà người Hmông

theo Tin lành không sử dụng: một là tất cả các loại ăn tiết canh, nhất là tiết canh gà, một món khoái khẩu của người Hmông; hai là uống rượu, một thói quen phổ biến của người Hmông trong hội hè và các bữa ăn. Điều quan trọng khác cần chú ý là, người Hmông không theo Tin lành việc ăn uống ít có sự tính toán, cân đối với thực tế sản xuất, thu nhập, thường là hoang phí nên ở Tây Bắc mới có câu ví: “ăn Mèo, ngủ Thái, gái Kinh”. Tuy nhiên khi theo Tin lành, việc này có sự thay đổi căn bản - không còn việc ăn uống bừa phứa, không nghĩ đến ngày mai.

Về mặc và phục sức. Người Hmông theo Tin lành vẫn duy trì việc trồng lanh, trồng bông và các kỹ thuật se sợi, dệt và nhuộm vải. Con trai Hmông vẫn mặc quần thụng, áo chần, con gái vẫn mặc váy xòe với hoa văn truyền thống. Tuy nhiên, theo Tin lành - một tôn giáo in đậm lối sống phương Tây, nên người Hmông, nhất là đàn ông đã có sự thay đổi trong việc mặc cùng những phục sức khác, trong đó họ rất ưa mặc véc - tông thắt cà - vạt, trang phục phổ biến của các mục sư Tin lành. Điều này không phải bây giờ mới tác động đến người Hmông, mà từ rất lâu, mấy thập kỷ trước khi lối sống Âu hóa qua người Kinh tác động đến người Hmông nhưng hầu như không đưa lại kết quả gì. Nhà ở hầu như không có thay đổi giữa người Hmông tín ngưỡng truyền thống với người Hmông theo Tin lành. Tuy nhiên, những người Hmông theo Tin lành không thờ cúng và thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng truyền thống trong nhà nên việc sắp xếp, bài trí nơi ở gọn gàng ngăn nắp và nhất là hợp lý hơn.

Một vấn đề thay đổi liên quan đến văn hóa là chữ viết. Đây là vấn đề cần quan tâm khi người Hmông theo đạo Tin lành. Trước đây, trong giáo dục, người Hmông ở Việt Nam dùng hai loại chữ, chữ quốc ngữ và chữ Hmông. Chữ Hmông là chữ do các giáo sĩ Công giáo dùng mẫu tự la - tinh tạo ra vào đầu thế kỷ XX, nhưng hầu như chưa phổ biến. Sau năm 1954, cụ thể là vào

đầu những năm 1960, Bộ Giáo dục đã kế thừa thành tựu này hoàn chỉnh chữ viết cho người Hmông ở Việt Nam vào năm 1966 (loại chữ Hmông này có dấu và các âm tiết gần với chữ quốc ngữ). Tuy nhiên, chữ Hmông la - tinh này chỉ dạy đến hết bậc phổ thông cơ sở ở các trường có học sinh người Hmông, sau đó hầu như không có ấn phẩm nào sử dụng chữ Hmông này để chuyển tải; cộng thêm với việc thiếu giáo viên là người Hmông để dạy và duy trì nên chữ Hmông không được sử dụng và phát huy. Khi truyền đạo Tin lành vào người Hmông, các nhà truyền giáo Tin lành, qua viện Ngôn ngữ Mùa hè (The Summer Institute Linguistics - SIL, Trường Đại học North Dakota, Mỹ) đã sử dụng mẫu tự la - tinh tạo ra chữ mới cho người Hmông (chữ Hmông này gần với tiếng Anh, không có dấu), gọi là chữ Hmông mới. Điều quan trọng là chữ Hmông la - tinh mới không chỉ vừa dễ đọc, dễ học, vừa có môi trường sử dụng là Kinh thánh và các ấn phẩm Tin lành, nên người Hmông theo đạo Tin lành đã nhanh chóng tiếp thu và sử dụng, trước hết là trong sinh hoạt tôn giáo, sau đó là trong sinh hoạt, giao tiếp. Hiện nay một vấn đề đang được đặt ra đó là Nhà nước có chính thức chấp nhận người Hmông theo Tin lành sử dụng chữ Hmông la - tinh mới trong sinh hoạt tôn giáo và trong sinh hoạt, giao tiếp, cùng với việc dịch Kinh thánh và các ấn phẩm của Tin lành ra tiếng Hmông la - tinh cũ để cho người dân sinh hoạt tôn giáo? Và nếu chữ Hmông la - tinh cũ được sử dụng dịch Kinh thánh và dùng trong sinh hoạt tôn giáo thì chính Tin lành là một trong những yếu tố phục hưng chữ Hmông - điều mà nhiều người Hmông mong muốn.

Về văn hóa, văn nghệ truyền thống, nhìn chung tác động của đạo Tin lành theo hướng tiêu cực - chúng tôi sẽ nói sau. Tuy nhiên bù lại việc đó, người Hmông theo Tin lành được tiếp cận với loại hình âm nhạc mới - tân nhạc - Thánh ca. Không những thế mà già, trẻ, trai, gái hễ theo Tin lành là đều hát Thánh ca, vì hát Thánh ca ca ngợi Thiên chúa là một trong những

nội dung sinh hoạt tôn giáo. Cùng với hát Thánh ca, người Hmông theo Tin lành được nghe giảng nhiều về Kinh thánh, biết nhiều điển tích, điển cố trong Kinh thánh. Họ cũng biết đến thế giới bên ngoài về lịch sử, địa lý, văn hóa,... Những điều vừa nói, cách nào đó, cũng đã góp phần làm cho người Hmông hiểu biết mở mang dân trí.

Trong quan hệ gia đình và xã hội, người theo đạo Tin lành có những thay đổi nhất định. Quan hệ ứng xử trong gia đình, các bề bực trên dưới vẫn được duy trì theo truyền thống. Tuy nhiên, trong gia đình Tin lành sự bình đẳng giữa các thành viên được tôn trọng, giảm dần sự áp đặt. Đặc biệt, người theo Tin lành tính tự lập được giáo dục và đề cao bởi Kinh thánh đã dạy mọi người đều bình đẳng trước Thiên Chúa. Trong quan hệ xã hội cũng có sự thay đổi, trong đó là tinh thần dân chủ, vai trò của mỗi cá nhân được đề cao (chúng tôi sẽ thêm ở phần tập quán, lối sống).

### ***2.1.2. Ảnh hưởng về lối sống, tập quán***

Thực ra với cách nhìn rộng, thì lối sống, tập quán cũng nằm trong phạm trù văn hóa. Tuy nhiên, đối với người Hmông, lối sống tập quán rất đặc thù, góp phần quan trọng trong việc tạo ra văn hóa Hmông nên chúng tôi tách thành mục riêng.

Một thực tế là, phong tục tập quán các dân tộc, các cộng đồng người được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, nhưng đa số được hình thành từ tín ngưỡng, tôn giáo. Cũng vậy, đa số các phong tục, tập quán, lối sống của người Hmông bắt nguồn từ tín ngưỡng truyền thống của người Hmông. Phong tục, tập quán của người Hmông rất nhiều và rất phức tạp. Và đặc biệt, do đặc điểm lịch sử riêng, cả dân tộc Hmông phải rời khỏi tổ quốc nên để nhớ tổ tiên, nguồn cội, và để bảo vệ dân tộc mình không bị đồng hóa nên người Hmông đã giữ gìn tín ngưỡng, phong tục tập quán, gần như không thay đổi theo thời gian, tạo ra “cái lý” của người Hmông. Tuy nhiên, cái lý của người Hmông rất



nhiều và vì không thay đổi nên có nhiều điều trong ma chay, cưới xin (quan, hôn, tang, tế) đã trở thành lạc hậu, thậm chí là hủ tục, đã cản trở sự hội nhập và phát triển. Với lợi thế về đức tin và lối sống hiện đại, đạo Tin lành đã góp phần xóa bỏ những tập quán, lối sống lạc hậu đó của người Hmông - điều mà các tôn giáo khác khó làm, thậm chí là không làm được. Ngay cả chủ trương, chính sách của Nhà nước cùng nỗ lực của các ban ngành cũng chỉ cải biến được một phần.

Trước hết về tang ma. Các nghi lễ tang ma của người Hmông theo truyền thống rất rườm rà với nhiều lễ thức phiền toái và tốn kém. Thông thường tang lễ của người Hmông kéo dài 7 đến mười ngày để làm “ma khô” với nhiều trâu bò lợn gà được giết để cúng ma. Nay theo Tin lành, người chết không để quá 24 giờ; chôn cất không cần chọn ngày và chọn giờ mà có thể chôn người chết vào bất kỳ lúc nào để đảm bảo vệ sinh; không cần thực hiện các nghi lễ chỉ đường, thổi kèn, đuổi ma người Hán; không còn phải đưa quan tài người chết từ trong nhà ra ngoài làm ma; không cần các nghi lễ cúng ba ngày, cúng ma tươi, ma khô, ma bò,... Còn khi ốm đau, người truyền đạo khuyên hãy cầu nguyện Thiên Chúa, và quan trọng hơn là phải đến cơ sở y tế để khám chữa bệnh, không mời thầy cúng đến cúng ma; phải ăn ở hợp vệ sinh để phòng ngừa bệnh tật.

Việc cưới xin. Người Hmông truyền thống rất quan tâm đến việc cưới xin với nhiều nghi thức, đặc biệt là việc tảo hôn và hôn nhân trong nội tộc (ông Cur Hòa Vân, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội đã có lần buồn rầu nói về hủ tục này và cho rằng chính điều này đã làm cho tộc người Hmông thoái hóa về thể chất). Khi theo đạo Tin lành, người Hmông tiếp cận quan niệm hôn nhân theo lối hiện đại, tổ chức đơn giản, không tốn kém. Đặc biệt người Hmông theo Tin lành đã bỏ việc tảo hôn, bỏ việc hôn nhân trong huyết thống và thực hiện hôn nhân một vợ, một chồng. Nghi lễ hôn nhân,

ngoài việc đăng ký kết hôn được chính quyền chấp nhận, còn có thêm nghi lễ tôn giáo. Nghi lễ tôn giáo được thực hiện ở nhà thờ (vì không có nhà thờ nên thực hiện ở nhà nhóm hay điểm nhóm - ở một gia đình trong bản được mượn để nhóm lễ). Điều quan trọng của nghi lễ hôn nhân tại nhà thờ, theo quan niệm của đạo Tin lành là có sự chuẩn nhận của Thiên Chúa. Do vậy hôn nhân của người Hmông theo đạo Tin lành bền vững, ít có sự ly hôn. Đồng thời, những cặp vợ chồng khi cưới nhận được những lời khuyên răn của mục sư theo Kinh thánh về nguyên tắc ứng xử, trách nhiệm của vợ, của chồng với con cái và gia đình, sự thủy chung,...

Theo đạo Tin lành, người theo đạo cho rằng những điều răn dạy trong Kinh thánh là những quy định của Thiên Chúa. Thiên Chúa có thể thấu suốt mọi việc của dân chúng ở trần gian nên những lời răn dạy trong Kinh thánh là sự dẫn lối thiêng liêng. Do đó, những người theo đạo sống có nguyên tắc, kính Thiên Chúa, yêu Người. Họ thực hiện nghiêm túc và tự nguyện tuân theo những lời dạy bảo của Thiên Chúa và Hội thánh của Thiên Chúa. Một bộ phận nhân dân theo đạo đã thực hiện lối sống khoa học, lành mạnh và từ bỏ những hủ tục như không lấy vợ hai, không nghiện thuốc phiện, không cướp của, giết người. Họ làm theo những điều răn dạy trong Kinh thánh đó là luôn làm điều thiện, tránh điều ác, và luôn hoàn thiện đạo đức cá nhân nên đã góp phần hạn chế các tệ nạn xã hội.

Việc theo đạo Tin lành đã làm thay đổi nếp sống của người theo đạo, đáp ứng nhu cầu tâm linh của họ, ước mơ tới một cuộc sống tốt đẹp hơn. Những điều răn dạy mà đạo Tin lành nêu ra phù hợp với nhu cầu của đồng bào, giúp hoàn thiện đạo đức cá nhân, giúp đồng bào giảm bớt những gánh nặng do những phong tục tập quán lạc hậu trong tổ chức ma chay, cưới xin, chữa bệnh gây nên. Sinh hoạt tôn giáo cộng đồng hấp dẫn quần chúng, đặc biệt là lớp trẻ và phụ nữ.

Đạo Tin lành còn khuyên con người nên sinh đẻ ít con để nuôi dạy con cho tốt, con gái cũng như con trai. Trước đây, tâm lý của nhiều đồng bào dân tộc Hmông đó là thường muốn sinh con trai hơn con gái, bởi theo tập tục, con trai sẽ là người thờ cúng bố mẹ, không có con trai thì kể như người chết không có người chôn, không có người thờ cúng, linh hồn sẽ lang thang, đói khổ và không trở về với tổ tiên. Còn với giáo lý Tin lành, con người khi chết, dù có con trai hay gái, hoặc không có con, nếu là người tốt thì linh hồn đều được lên Thiên đàng với Thiên Chúa. Vì thế, tâm lý muốn sinh con trai phần nào cũng giảm bớt trong tâm lý đồng bào.

Việc theo đạo Tin lành cũng giúp tạo ra mối quan hệ cố kết và sự giúp đỡ lẫn nhau cả về vật chất và tinh thần rộng hơn của dòng họ. Cụ thể, sau khi thay đổi theo Tin lành, người Hmông, nhất là những người Hmông di cư tự do đã sử dụng Tin lành như một phương tiện để gắn kết lại với nhau và trợ giúp lẫn nhau. Vì vậy, các tín đồ Tin lành người Hmông thường nói “đạo” quan trọng hơn “họ”. Bởi vì, nếu theo quan hệ dòng họ thì chỉ có những người cùng họ, cùng ma mới có thể được giúp đỡ nhau hết mình và có thể chết trong nhà của nhau. Nhưng nếu theo “đạo”, tất cả người Hmông bất kể thuộc họ nào đều là anh em, đều phải có trách nhiệm quan tâm giúp đỡ nhau và đều có thể chết trong nhà của nhau. Những người theo đạo ở thôn bản đều có trách nhiệm giúp đỡ lẫn nhau nhất là vào những dịp đặc biệt như làm nhà mới, cưới xin, ma chay,... Ngoài ra, trong những trường hợp gặp phải rủi ro như bị cháy nhà, bị tai nạn,... thì người theo đạo bị nạn cũng nhận được sự giúp đỡ của các tín đồ ở các thôn bản lân cận.

Về vai trò của phụ nữ và việc bình đẳng giới. Trong xã hội truyền thống của người Hmông là chế độ phụ quyền, người đàn ông làm chủ gia đình và quyết định mọi việc, người phụ nữ Hmông luôn bận rộn và phải lo toan mọi việc. Khi theo đạo Tin lành đã tạo ra sự thay đổi quan trọng. Trong các

gia đình theo đạo Tin lành, địa vị của người phụ nữ được đề cao sánh ngang với người đàn ông. Họ không phải làm quần quật nhưng không được hưởng thụ, không phải lo toan mọi việc trong các việc quan, hôn, tang, tế, nhất là không phải lo thu vén để trả các món nợ do chi quá trong các cuộc tế lễ, làm ma khô cho bố mẹ. Theo đạo Tin lành người phụ nữ Hmông được khẳng định vị trí của mình trong xã hội, được tham gia sinh hoạt tôn giáo ngang với đàn ông, được tham gia vào quyết định các công việc của cộng đồng - điều mà trước đây họ không bao giờ được tham dự. Người phụ nữ được ra ngoài có cơ hội để giao tiếp, thể hiện mình trước cộng đồng. Từ đó, người phụ nữ có cơ hội thể hiện vẻ đẹp, sự duyên dáng. Họ cũng chăm chú hơn trong cách ứng xử, và càng chăm chỉ, khéo léo trong chức năng của một người phụ nữ, nhất là trong việc may vá thêu thùa,...Nói tóm lại, người phụ nữ được giải phóng trong gia đình và xã hội của người Hmông truyền thống. Chính điều này đã làm cho người phụ nữ Hmông “mê” đạo Tin lành, đến với đạo Tin lành sớm hơn và đông hơn so với đàn ông.

Về lao động sản xuất. Đạo Tin lành là một trong những tôn giáo có tư tưởng làm giàu, coi lao động là trách nhiệm hàng ngày, là nghĩa vụ trước Thiên Chúa. Đạo Tin lành còn tuyên truyền tính tiết kiệm, không lãng phí, sống xa hoa, buông thả. Đối với đạo Tin lành, thái độ lười biếng trong lao động sản xuất, không muốn kiếm nhiều tiền hơn, cảnh bần cùng, cảnh lang thang ăn xin, ăn mày bị coi là “có tội”, là không thực hiện lời răn của Thiên Chúa [50, tr.131 - 132]. Do đó, ở nhiều nơi đồng bào dân tộc Hmông theo Tin lành đã chăm chỉ sản xuất, biết cách làm giàu cho gia đình mình. Không những thế, những mục sư, truyền đạo, các trưởng điểm nhóm đều có gia đình, đều là người lao động, có trí thức nên đã giúp người theo đạo tổ chức sản xuất và tổ chức cuộc sống gia đình.

Đạo Tin lành cũng đã góp phần vào việc đẩy lùi tệ nạn nghiện hút thuốc phiện vốn đã hình thành từ nhiều đời nay trong đồng bào dân tộc Hmông. Đây là điều mà trong nhiều năm qua ta vận động quần chúng nhưng chưa thành công. Người Hmông theo đạo Tin lành cũng bỏ luôn việc uống rượu, hút thuốc lá - một trong những tập quán, đúng hơn là thói quen cố hữu của người Hmông.

Một điều rất đáng quan tâm là ở những nơi người Hmông theo đạo Tin lành đã ổn định, được sinh hoạt tôn giáo bình thường, nhất là những nơi đã đăng ký với chính quyền và có liên hệ về tổ chức với các tổ chức Tin lành hợp pháp, thì các mặt tích cực về xã hội càng bộc lộ rõ. Đó là việc chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nghiêm túc hơn, sự quan hệ với chính quyền tốt hơn, cởi mở hơn vì họ được giáo dục theo Kinh Thánh “phải vâng phục bậc cầm quyền trên mình, vì mọi cầm quyền đều đến từ Thiên Chúa”, nếp sống xã hội lành mạnh hơn, ít tệ nạn xã hội hơn, và đời sống của người dân cũng được cải thiện hơn.

Có thể nói rằng cho đến nay, những mặt tích cực của đạo Tin lành đã góp phần làm cho đạo Tin lành có một chỗ đứng nhất định ở khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc. Đó là một thực tế không thể phủ nhận như tác giả Vương Duy Quang cho rằng, “sự xuất hiện của đạo Tin lành như là “liều thuốc tinh thần” đáp ứng phần nào lòng mong mỏi của một bộ phận người Hmông đang hụt hẫng niềm tin hay cho một bộ phận đồng bào có điểm tựa nhất định về tâm linh” [57, tr. 256].

Điều đáng quan tâm là những yếu tố tích cực nói trên càng ngày càng bộc lộ rõ, nhất là những nơi mà đạo Tin lành đã đi vào ổn định, những nơi mà chính quyền cho đăng ký sinh hoạt theo điểm nhóm sau Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg. Như vậy, việc Thủ Tướng Chính phủ ra chỉ thị số 01/2005/CT -TTg *Về một số công tác đối với đạo Tin lành* không chỉ đáp ứng

nhu cầu tâm linh của đồng bào Hmông theo đạo Tin lành mà còn là sự nhìn nhận “yếu tố hợp lý” của đạo Tin lành đối với một bộ phận người dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc.

Khi nói về vấn đề ảnh hưởng của đạo Tin lành đối với xã hội, Max Weber (1864 - 1920), nhà xã hội học người Đức, với tác phẩm nổi tiếng *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, đã cho rằng nền đạo đức Tin lành có một mối liên hệ “tương hợp chọn lọc” với “tinh thần” của chủ nghĩa tư bản, và do vậy đã tạo ra một động lực tinh thần cần thiết và thuận lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu [48, tr.13].

Người Hmông theo đạo Tin lành, lấy tôn giáo làm trung tâm, lấy Thiên Chúa làm niềm tin, quan hệ với nhau trong môi trường tôn giáo, một cách khách quan đưa lại là yếu tố dân tộc, “tính cách Hmông” trong số người Hmông theo đạo Tin lành giảm đi. Người Hmông theo Tin lành sẽ không hào hứng với việc xưng vua, đón vua, không hào hứng với suy tưởng về vương quốc mông như những người Hmông bình thường khác. Do vậy, xét về mặt chính trị là có yếu tố tích cực. Một thực tế chứng minh điều này là trong việc xưng vua, đón vua tại Mường Nhé (Điện Biên) vào cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 2011, trong số hơn 5.000 người Hmông tham gia, chỉ có hơn 100 người Hmông theo đạo Tin lành, trong khi nơi diễn ra xưng vua, đón vua tập trung đông người Hmông theo đạo Tin lành nhất ở Điện Biên.

Như vậy, trong hệ thống tín ngưỡng của người Hmông đang tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu, được truyền từ đời này sang đời khác, đã ăn sâu vào tiềm thức và đời sống tinh thần nên đồng bào Hmông khó có thể thay đổi được, kể cả khi có tác động của các điều kiện khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, tư tưởng,... thậm chí là cả yếu tố thiêng liêng, thần bí của tôn giáo nếu không đủ mạnh; cả chủ trương, chính sách đúng đắn và nỗ lực của các cấp các ngành. Tuy nhiên, đạo Tin lành với đức tin, những nguyên tắc, chuẩn mực

đạo đức, cùng với những giá trị riêng của nó đã tạo ra sự thay đổi và chuyển biến tích cực như đã nói ở trên đối với đời sống đồng bào dân tộc Hmông.

## **2.2. Ảnh hưởng tiêu cực**

Bên cạnh những ảnh hưởng mang tính tích cực thì sự phát triển của đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực, tác động xấu đến mọi mặt đời sống của đồng bào nơi đây nhất là giai đoạn đầu truyền giáo.

### **2.2.1. Đối với tín ngưỡng, văn hoá truyền thống**

Với yếu tố nhất thần cao, cộng thêm với tính chất mạnh mẽ đến mức cực đoan về đức tin nên một trong những nét đặc thù cơ bản nhất của đạo Tin lành đó là trong quá trình phát triển ít có sự hội nhập văn hóa. Không những thế, đạo Tin lành còn “phủ nhận sạch trơn” văn hóa tín ngưỡng truyền thống. Do đó đi đến đâu đạo Tin lành cũng thường gây ra sự xung đột về văn hóa giữa văn hóa lối sống Tin lành với văn hóa tín ngưỡng tại chỗ mà Tin lành xâm nhập và phát triển.

Thờ cúng tổ tiên và các vị thần là một nét đặc sắc về văn hóa, đạo đức và tâm linh, tín ngưỡng của dân tộc Hmông, nhưng đến khi theo đạo Tin lành thì bị xóa bỏ hoặc xem thường. Một bộ phận người Hmông hoang mang lo sợ, trông chờ, hy vọng đã nghe lời đài FEBC và một số “người truyền đạo” rằng, phải theo Vàng Trứ và muốn được công nhận chính thức là người theo Vàng Trứ, trước hết các gia đình Hmông phải thực hiện nghi lễ đuổi tổ tiên, đuổi thần nhà, thần cửa ra khỏi ngôi nhà của mình. Lễ nghi này được những người tích cực tự coi là “người truyền đạo” thực hiện. Công việc được tiến hành rất đơn giản, “người truyền đạo” cầm một bát nước lã tiến tới vị trí thờ tổ tiên, thần nhà, thần cửa nói đôi lời về Vàng Trứ và những điều “xấu” do “ma nhà”, “ma cửa” và tổ tiên gây ra cho con cháu rồi “đuổi” các vị thần đi bằng cách vẩy vài giọt nước lên vách nhà (nơi thờ các vị đó). Họ nói với đồng bào rằng:

“đó là nước thánh của Vàng Trứ, mỗi giọt nước nặng tới vài tấn”. Nhiều nơi, dưới sự giúp đỡ của “người truyền đạo”, chỉ trong một đêm đã có tới vài chục gia đình Hmông làm xong lễ “đuôi” thần nhà, thần cửa và tổ tiên để rồi từ đó họ từ bỏ tất cả mọi tín ngưỡng truyền thống của dân tộc. Dưới mái nhà của những gia đình theo Vàng Trứ không còn nơi thờ thần giường hay thần buồng, thần thuốc và “cột ma nhà”. Khi có người chết, người ta không còn làm lễ Quab ke - cúng “chỉ đường” đưa hồn người chết về với tổ tiên và nghiêm cấm mọi người không được khóc, không được thổi khèn hay đánh trống ma; nghi lễ linh thiêng giết trâu bò “làm hiếu” cho bố mẹ để thể hiện tấm lòng của các con cũng không còn nữa. Thậm chí, ở một số nơi khi mới theo Tin lành, người ta còn đơn giản cho rằng người chết không được chôn sâu để dễ bay lên theo Vàng Trứ hưởng hạnh phúc trên “lớp trời sáng sủa” - nơi không phải là thế giới tổ tiên của người Hmông.

Các hoạt động Saman giáo cũng bị loại bỏ, chỉ để tôn thờ một vị thần ma lớn nhất, đó là Vàng Trứ - Giêsu. Niềm tin vào Vàng Trứ của một bộ phận người Hmông đã biến các thầy pháp Saman trở nên “vô dụng”. Chẳng còn ai tin vào sức mạnh của thần linh ma quỷ; chẳng ai cần đến thầy pháp Saman mỗi khi họ gặp tai ương, bệnh tật và vị trí vốn được kính trọng của các Txir nênhz trong cộng đồng những người theo Vàng Trứ đã không còn. Có thể nói, những người tạo dựng nên hiện tượng tôn giáo này đang cố làm cho người Hmông tin rằng Vàng Trứ, Giêsu mới chính là ông tổ, là vua của người Hmông, là đấng cứu thế có thể đem lại cuộc sống sung sướng cho đồng bào.

Tôn giáo là một thành tố của văn hóa. Vì vậy, việc người Hmông bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo Tin lành đã dẫn đến việc làm mất đi một phần văn hóa của họ. Cũng như nhiều dân tộc khác ở nước ta, dân tộc Hmông đã có một nền văn hoá lâu đời. Truyền thống văn hóa của người Hmông rất đa dạng và cũng rất độc đáo, biểu hiện qua các lễ hội, những câu chuyện cổ, dân



ca, âm nhạc, múa,... nhưng khi đạo Tin lành xuất hiện, những sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Hmông đã và đang bị phá vỡ. Hàng bao đời nay người Hmông sinh sống và cư trú theo dòng họ, huyết tộc. Họ sống yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Một khi đã là người của dòng họ thì phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, cho dù sống ở đâu thì luật tục dòng họ cũng chi phối tới đó. Nhưng trước tác động của đạo Tin lành, tính cộng đồng, đoàn kết đó đang có nguy cơ mai một. Ở một số nơi khi người dân mới theo đạo Tin lành đã tạo ra tình trạng chia rẽ anh em trong họ hàng, giữa những người theo và những người không theo đạo Tin lành, con không nghe lời bố, em không còn nghe lời anh, vợ không nghe lời chồng. Thậm chí, anh em không muốn nhìn mặt nhau, từ bỏ nhau, ngay cả khi bố mẹ chết không đến chịu tang, không đến làm ma chỉ vì mình đã là người của Vàng Trú. Ở một số nơi, người ta cấm cả trai gái hai bên không được tỏ tình với nhau, không được lấy nhau. Một số làng đã nảy sinh xung đột giữa hai nhóm chỉ vì những nguyên cớ đơn giản, dẫn đến đánh nhau, đổ máu,...

Theo đạo Tin lành, các lễ hội truyền thống của người Hmông cũng bị mai một dần, các sinh hoạt văn hóa như ca hát, thổi sáo, thổi khèn, ném còn,...không được người dân hưởng ứng như trước. Phải thừa nhận rằng, những người Hmông theo Tin lành đã ít chú ý đến các làn điệu dân ca, đến các nhạc cụ truyền thống của người Hmông, điển hình là khèn, kèn lá, kèn môi,...cùng những câu chuyện cổ tích, ngụ ngôn của người Hmông. Người Hmông theo đạo Tin lành cho rằng chiếc khèn của người Hmông, một loại nhạc cụ rất độc đáo được hình thành liên quan đến việc cúng tế người quá cố và sử dụng liên quan đến sinh hoạt tín ngưỡng nên hầu như họ không sử dụng. Những câu chuyện cổ tích, ngụ ngôn phản ánh lịch sử, tập quán của người Hmông nhưng vì nó liên quan đến tín ngưỡng nên cũng ít được những người Hmông theo đạo Tin lành nhắc tới.

Với sự du nhập của đạo Tin lành, vai trò của già làng, trưởng bản bị giảm sút, thậm chí là mất đi, nhường chỗ cho “một tầng lớp mới” - những người tích cực truyền đạo, mà tuổi đời hầu hết là thanh niên, trung niên và tầng lớp thanh niên chịu ảnh hưởng của Vàng Trứ đã mất đi ý thức tiếp nhận thuần phong mỹ tục truyền thống mà cha ông muốn truyền lại. Lớp người cao tuổi, già làng, trưởng bản không thể bảo ban, lưu truyền lại những giá trị văn hoá truyền thống dân tộc cho thế hệ sau, dẫn đến hậu quả là nền văn hoá truyền thống của dân tộc Hmông có nguy cơ bị băng hoại, dòng chảy văn hoá dân tộc có thể bị đứt đoạn, đổi hướng.

Như vậy, ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành đối với tín ngưỡng, văn hoá của dân tộc Hmông thực sự là vấn đề cần quan tâm giải quyết, bởi vì đối với một dân tộc thì văn hoá còn, dân tộc còn. Đứt đoạn văn hoá, vứt bỏ văn hoá, dân tộc đó có thể còn nhưng là một dân tộc khác lạ; một dân tộc bị đồng hoá, mất sức sống, và không còn là chính mình nữa.

### ***2.2.2. Gây ra sự phân chia, sự đối lập và sự căng thẳng trong nội bộ người Hmông***

Trong lịch sử, người Hmông là dân tộc đã chịu nhiều thương đau mất mát, mang mặc cảm của một dân tộc phải tha hương. Thực tế đó làm nên đời sống cộng đồng của người Hmông có nét đặc thù không thể lẫn với bất kỳ một dân tộc nào, đó là sự bao bọc, đoàn kết, đến không phân biệt quốc gia, biên giới. Người Hmông thường nói: Tôi là người Hmông, chúng ta là người Hmông, chúng ta cùng một gốc người, cùng một hạt lan gieo xuống đất.

Khi đạo Tin lành xâm nhập và phát triển vào vùng đồng bào dân tộc Hmông nó đã gây ra những tác động to lớn đến quan hệ cộng đồng, dòng họ và gia đình người Hmông. Sự tác động này diễn ra rất phức tạp. Trong cộng đồng dân tộc Hmông, một mặt họ thắt chặt quan hệ họ hàng và cộng đồng giữa những người cùng tôn giáo, nhưng mặt khác mối quan hệ giữa các thành

viên không chung đức tin trong cộng đồng và gia đình thường diễn tiến theo những chiều hướng tiêu cực.

Việc theo đạo Tin lành đã và đang gây ra sự bất đồng và sự chia rẽ trong nội bộ một số gia đình có người theo và không theo đạo Tin lành. Tình trạng chia rẽ này kéo dài vì nó liên quan tới sự khác biệt trong thờ cúng, thực hành các nghi lễ, nhất là trong thực hành các nghi lễ tang ma và cưới xin, trong các kiêng khem,...

Sự tiếp thu ảnh hưởng của đạo Tin lành cũng gây ra sự căng thẳng trong mối quan hệ giới. Cụ thể, theo Tin lành đàn ông phải bỏ rượu, bỏ thuốc, không được đánh chửi vợ con, phải để cho vợ con nghỉ ngơi đi cầu nguyện tập trung vào ngày chủ nhật,... nên đa số nam giới không thích thay đổi theo đạo Tin lành. Trong khi đó thay đổi theo đạo Tin lành, nữ giới được nghỉ ngơi đi cầu nguyện vào chủ nhật hàng tuần, được gặp gỡ giao lưu và được thể hiện mình ở nơi công cộng hay trước cộng đồng. Vì vậy, nữ giới Hmông thường thích tiếp thu ảnh hưởng của Tin lành hơn nam giới Hmông.

Sự thay đổi theo Tin lành còn gây ra sự xung đột giữa các thế hệ, cụ thể là giữa thế hệ trẻ và thế hệ già. Sự xung đột này thể hiện qua nghi lễ mà người Hmông gọi là “*pe tsiab*”. Cụ thể, theo phong tục của người Hmông, vào ngày đầu Năm mới hay vào ngày Tết cổ truyền của người Hmông, những người trẻ phải đi thăm và cúi lạy những người già trong thôn bản. Nhưng sau khi thay đổi theo Tin lành những người trẻ không cúi lạy bất cứ ai ngoài Thiên Chúa.

Ngoài gia đình, sự thay đổi theo đạo Tin lành cũng đã gây ra sự phân chia, sự đối lập và cả sự căng thẳng giữa những người theo và không theo đạo Tin lành trong nội bộ dòng họ.

Người Hmông gọi dòng họ là “*xênhv*”. Theo truyền thống, người Hmông là một tộc người được cố kết lại với nhau dựa trên mối quan hệ thân tộc tính theo dòng cha. Theo mức độ của mối quan hệ thân tộc theo dòng cha,

các thành viên của dòng họ lại cố kết với nhau thành các nhóm thân tộc gần hơn và chặt chẽ hơn là gia đình, chi họ và ngành họ.

Theo quan niệm của người Hmông, các thành viên trong cùng họ đều sinh ra từ một ông tổ nên đều là anh em với nhau. Vì vậy, những người đàn ông Hmông mang cùng tên họ được gọi là những anh em trai, trong khi đó những người phụ nữ Hmông mang cùng tên họ được gọi là những chị em gái. Hôn nhân giữa các thành viên bất kể cách xa bao nhiêu đời trong nội bộ dòng họ đều bị cấm. Vì vậy, người của dòng họ này chỉ có thể kết hôn với người của dòng họ khác. Nói cách khác, ngoại hôn theo dòng họ là một nguyên tắc bắt buộc. Vậy, dòng họ của người Hmông trước hết đóng vai trò điều hòa mối quan hệ hôn nhân giữa người Hmông với nhau. Hơn nữa, vì là anh em bà con của nhau nên bất kể làm ăn sinh sống ở đâu những người cùng một dòng họ đều phải có trách nhiệm giúp đỡ nhau cả về tinh thần lẫn vật chất.

Sự tiếp thu ảnh hưởng của đạo Tin lành hay sự cải đạo theo Tin lành đã dẫn tới sự phân chia người Hmông trong cùng một chi họ, ngành họ và dòng họ thành hai nhóm đối lập nhau: nhóm theo Tin lành và nhóm giữ tín ngưỡng truyền thống. Những người Hmông theo Tin lành thường ít chơi bời với những người Hmông theo tín ngưỡng truyền thống. Họ cũng ít tham dự, nhất là tham dự ăn uống, các nghi lễ tổ chức theo tín ngưỡng truyền thống. Mức độ quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau cả về vật chất và tinh thần giữa những người theo và không theo Tin lành trong cùng họ nhất là vào các dịp đặc biệt như hiếu hỉ cũng trở nên ít hơn so với người cùng tín ngưỡng. Đặc biệt, mối quan hệ thân tộc của những người theo và không theo Tin lành trở nên lỏng lẻo bởi những người theo Tin lành giờ chỉ còn nhận ra mình có mối quan hệ họ hàng với những người khác thông qua tên họ mà thôi.

Việc theo đạo Tin lành còn có ảnh hưởng tới quan hệ hôn nhân của người Hmông. Sau khi có sự cải đạo theo Tin lành, việc trao đổi hôn nhân của

người Hmông thường diễn ra trong nội bộ các nhóm tôn giáo. Trong trường hợp những người khác tôn giáo kết hôn với nhau thì người vợ phải theo đạo của chồng. Thêm vào đó là sự khó khăn trong việc thỏa thuận về số tiền thách cưới và nghi thức cưới xin. Cụ thể, nếu một người theo Tin lành lấy một người theo Tin lành thì số tiền thách cưới chỉ khoảng 250 nghìn đồng và chỉ cần trưởng đạo (trưởng điểm nhóm) làm lễ là xong, nhưng nếu người theo Tin lành (nam giới) lấy người không theo Tin lành (nữ giới) thì việc thống nhất về số tiền thách cưới (khoảng 4 triệu đồng) và nghi thức cưới xin sẽ không đơn giản. Ví dụ, nếu bên nhà gái tổ chức theo nghi lễ truyền thống và bên nhà trai tổ chức theo nghi thức của đạo Tin lành, không quỳ lạy trước bàn thờ tổ tiên và vái lạy cha mẹ vợ vì tín đồ Tin lành không vái lạy hoặc quỳ lạy ai ngoài Thiên Chúa.

Trong nội bộ cộng đồng Hmông, sự thay đổi theo Tin lành đã dẫn tới sự phân chia và sự đối lập giữa nhóm những người Hmông theo tín người truyền thống và nhóm những người Hmông theo Tin lành. Cụ thể, trong một thôn bản khi số lượng người Hmông theo Tin lành còn ít thì họ thường bị những người đồng tộc theo tín ngưỡng truyền thống tố cáo với chính quyền địa phương, cô lập và phân biệt đối xử. Vì vậy, trong số họ đã có nhiều người, nhiều gia đình buộc phải rời bỏ quê hương di cư tới những nơi có đông người đồng tộc theo Tin lành để sinh sống. Ngược lại, khi số lượng người Hmông thay đổi theo Tin lành ở một thôn trở nên áp đảo thì số lượng người Hmông còn giữ tín ngưỡng truyền thống trở thành thiểu số và họ lại bị tẩy chay và cô lập. Kết quả là họ cũng buộc phải di cư đi những nơi khác.

Điều đáng lưu ý là trong nội bộ những người Hmông theo Tin lành cũng có sự phân biệt và đối lập. Trước hết, đó là sự phân biệt và đối lập giữa người Hmông theo các hệ phái khác nhau ở trong cùng một thôn. Trong nội bộ những người theo Tin lành cũng có sự phân biệt giữa những người có và

không có đóng góp (“thuế 10 phần trăm” hay “thuế mười phân”). Những người theo Tin lành do nghèo không thể có khoản đóng góp “thuế mười phân” thường bị coi thường.

Sự đối lập, mâu thuẫn và căng thẳng giữa những người là anh em bà con với nhau nhưng theo các tôn giáo khác nhau ở trên bắt nguồn từ sự khác nhau về thế giới quan, cách truyền đạo và sự khác biệt về văn hóa, cụ thể là giữa văn hóa phương Tây và văn hóa của người Hmông. Trước hết đó là sự khác biệt về thế giới quan. Theo Kitô giáo, Thiên Chúa (“*Saub*” theo tiếng Hmông La tinh) là tối cao. Ngoài Thiên Chúa, các vị thần khác đều là quỷ Sa tăng vì vậy đều đối lập với Thiên Chúa và đều là kẻ thù của Thiên Chúa. Quan niệm về sự đối lập lưỡng phân này của Kitô giáo đã chia những người Hmông theo và không theo Tin lành ra thành hai nhóm đối lập nhau. Vì vậy, khi người Hmông thay đổi theo đạo Tin lành, họ phải cắt đứt hẳn với các vị thần truyền thống của mình bằng cách đuổi các vị thần này ra khỏi nhà và đốt hết tất cả những gì có liên quan tới việc thờ cúng các vị thần này.

Các nhà truyền đạo Tin lành cũng tuyên truyền rằng máu của những người theo Tin lành là trong sạch vì khi một người đã trải qua lễ Báp têm, Chúa Giê su đã chuộc tội cho người đó. Ngược lại, máu của những người không theo Tin lành là bẩn. Vì vậy, trong nhiều trường hợp các bậc cha mẹ Hmông theo Tin lành đã cố tìm cách ngăn cản con cái họ kết hôn với con cái của những người Hmông không theo đạo Tin lành.

Theo đạo Tin lành, khi chết, linh hồn của người Tin lành sẽ được lên thiên đàng, nhập vào thế giới sáng sủa và trong sạch của Thiên Chúa, ngược lại, linh hồn của những người không theo đạo Tin lành sẽ phải nhập vào thế giới tối tăm và bẩn thỉu của các quỷ thần. Đạo Tin lành cũng nhấn mạnh tới “Ngày phán quyết” ngay sau khi Thiên Chúa giáng thế lần thứ hai. Vào ngày đó nếu ai theo đạo Tin lành sẽ được lên thiên đàng còn những người không

theo đạo Tin lành sẽ bị đày xuống địa ngục. Những điều này cũng đã góp phần vào việc chia rẽ giữa những người Hmông theo và không theo Tin lành. Đặc biệt, một số người Hmông cao niên có vợ hoặc chồng đã quá cố và đã tổ chức tang lễ theo nghi thức truyền thống sau khi cải đạo theo đạo Tin lành họ đều thật sự băn khoăn và lo lắng rằng liệu linh hồn của họ có thể tìm được người bạn đời của mình ở thế giới bên kia hay không.

Như vậy, đạo Tin lành đã tự tách mình ra khỏi các tín ngưỡng và các truyền thống văn hóa của dân tộc Hmông. Hơn nữa, các giáo sĩ đạo Tin lành cũng mang trong mình quan niệm về sự ưu việt của phương Tây. Họ cho rằng Tin lành là tôn giáo mang tính khoa học và hợp lý hơn tất cả các tôn giáo khác. Họ dùng những thành tựu của khoa học kỹ thuật hiện đại của phương Tây để chứng minh cho quan điểm này của mình. Ví dụ, họ lấy tính hiệu quả của các phương pháp chữa bệnh bằng y học hiện đại của phương Tây để chứng minh tính phi lý và sự lạc hậu của các cách chữa bệnh bằng cúng bái của người Hmông.

Việc tiếp nhận các nguyên tắc của Tin lành như các nguyên tắc không tham dự vào các nghi lễ tổ chức theo tín ngưỡng truyền thống, không ăn các đồ cúng lễ, nhất là động vật,... vào xã hội Hmông nhưng lại thiếu sự điều chỉnh cho phù hợp với những truyền thống văn hóa riêng của người Hmông cũng gây ra sự phân chia, đối lập và căng thẳng giữa những người là anh em bà con với nhau nhưng theo các tín ngưỡng khác nhau.

### **2.2.3. Đối với kinh tế, chính trị - xã hội**

Từ năm 1990 trở về trước, hiện tượng cúng đón Vàng Trú trong đồng bào dân tộc Hmông ở một số tỉnh liên tục diễn ra gây nên sự tốn kém tiền của công sức, thời gian của đồng bào. Để cúng đón Vàng Trú người dân phải nộp tiền, phải bán thóc lúa, bán trâu, ngựa, lợn gà, bạc trắng. Sau này theo đạo Tin lành bà con cũng phải nộp “lệ phí theo đạo”, “tiền từ thiện”, thuế mười

phân,... Số tiền đó có thể là 10.000 đồng một hộ, 20.000 đồng hoặc cũng có thể là 50.000 đồng một hộ tùy từng địa phương [4]. Chỉ tính riêng ở huyện Bắc Hà tỉnh Lào Cai, tính đến năm 1999, nhân dân đã bán đi 86 con trâu, ngựa, 800 đồng bạc trắng và nộp hàng chục triệu đồng cho lực lượng truyền đạo. Ở Sơn La năm 1996, đồng bào đã phải nộp “quỹ đạo” là 20.000 đồng mỗi hộ để làm lễ nhúng nước; năm 1997 tại xã Chiềng Ân (Mường La), bà con phải nộp 10.000 đồng để làm lễ Noël.

Nguy hiểm hơn, thời kỳ đầu mới truyền đạo và theo đạo Tin lành làm mất nhiều thời gian để sản xuất và sinh hoạt của đồng bào. Ở nhiều nơi đồng bào đua nhau bán, giết mổ gia súc, gia cầm, cũng như bán các tài sản đồ đạc để lấy tiền mua thuốc lá, vải đỏ nộp đăng ký theo Vàng Trứ và mua đài để nghe tin tức về vua, nghe lời dạy của Vàng Trứ. Thậm chí, đã có người Hmông bán trâu lấy tiền làm lộ phí sang Lào hy vọng gặp đấng cứu thế của mình vì nghĩ Vàng Trứ sống ở đó. Sản xuất ở nhiều nơi bị đình trệ do quần chúng bỏ sản xuất chờ đón Vàng Trứ vì họ được dạy: “Theo Vàng Trứ không làm cũng có ăn”. Từ đó làm cho đời sống kinh tế của đồng bào vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Nhiều nơi chính quyền địa phương phải trợ cấp cho nhiều gia đình Hmông do họ bị đói.

Đành rằng di cư tự do là một trong những tập tính của người Hmông. Tuy nhiên, sự xâm nhập và phát triển của đạo Tin lành cũng là nguyên nhân của hiện tượng di cư tự do của đồng bào Hmông. Năm 1994, nguồn tin “vua Hmông Vàng Trứ sẽ xuất hiện ở phía tây, nơi mặt trời lặn,...” bắt đầu lan truyền khắp các vùng Hmông. Những người tích cực truyền đạo nói rằng: “phải đi về phía mặt trời lặn, ở đó Vàng Trứ sẽ xuất hiện, Vàng Trứ sẽ cho mọi người cuộc sống sung sướng,...”, họ kêu gọi người Hmông phải theo họ và chờ đón Vàng Trứ ở đó. Thế là, cuộc di cư lớn nhất của người Hmông trong thế kỷ XX bắt đầu. Từ năm 1994 đến năm 1997, hàng nghìn người



Hmông mà phần lớn đã theo Vàng Trứ ở các huyện Bắc Hà, Bảo Yên, Bảo Thắng của tỉnh Lào Cai; huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần của tỉnh Hà Giang; huyện Mù Căng Chải, Văn Yên của tỉnh Yên Bái; huyện Sông Mã, Thuận Châu của tỉnh Sơn La; huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc của tỉnh Cao Bằng đã từ bỏ làng quê của mình lần lượt di cư đến khu vực xã Trà Cang, huyện Mường Lay của tỉnh Lai Châu - nơi được coi là phía tây, chỗ mặt trời lặn và lập nên ở đó 52 làng mới. Trà Cang là khu vực rừng già trải dài đến biên giới Việt - Lào với diện tích gần 1000 km<sup>2</sup> một nơi thuận lợi cho cuộc sống đốt nương làm rẫy và xa sự quản lý của các cấp chính quyền. Bởi vậy, khu vực này đã nhanh chóng trở thành nơi cư trú lý tưởng của những người theo Vàng Trứ, nhất là những người quá khích đang né tránh sự quản lý của cơ quan chức năng địa phương ở các tỉnh. Và đến tháng 8 năm 1997, số người Hmông di cư đến Trà Cang đã lên tới 13.000 người, trong đó có 8.010 người theo “vị cứu tinh” Vàng Trứ. Năm 1998, đồng bào Hmông vẫn tiếp tục kéo đến khu vực Ba Trà và tràn sang cả 4 xã vùng cao của huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu tạo nên một vùng định cư mới của dân tộc này ở vùng phía tây giáp biên giới Việt - Lào. Tính đến tháng 3 năm 2002, số dân Hmông di cư ở Mường Lay và Mường Tè đã lên đến hơn 2 vạn người trong khi số người Hmông gốc Lai Châu tại Mường Lay lại chỉ có hơn 300 hộ.

Cũng trong thời điểm này, một số nhóm Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã tràn xuống vùng núi Tây Thanh Hóa và tập trung ở huyện Mường Lát. Tuy số lượng người di cư không lớn và không nghiêm trọng như Lai Châu, song sự di cư đó cũng đã làm tăng dân số Hmông đột biến ở vùng biên giới Việt - Lào của tỉnh này lên đến vài nghìn người. Họ không chỉ đốt phá các cánh rừng già để làm nương rẫy mà còn tạo nên những vấn đề nhạy cảm ở vùng biên giới thông qua hoạt động của những người theo Vàng Trứ.

Năm 1996, một số người cầm đầu theo Vàng Trứ lại tuyên truyền cho người Hmông về một vùng đất mới đầy hứa hẹn là Tây Nguyên. Họ nói rằng: “Nơi đây đất đai màu mỡ, làm một vụ đủ ăn hai năm,...”, và rằng “Ở đó không chỉ dễ làm ăn mà chúng ta thoải mái theo Vàng Trứ, chờ đón Vàng Trứ giúp đổi đời,...”. Trong bối cảnh điều kiện sống đang rất khó khăn, niềm tin vào cuộc sống đang bị khủng hoảng, những lời kêu gọi ấy có sức thu hút hết sức mạnh mẽ và một lần nữa, hàng nghìn người Hmông đã bất chấp tất cả để từ bỏ làng bản của mình thực hiện cuộc di cư hàng nghìn cây số đến với miền đất hứa mà nơi đến chủ yếu là tỉnh Đắk Lắk (bao gồm tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Đắk Nông hiện nay).

Cũng cần nói thêm, việc một bộ phận người Hmông theo Tin lành di cư vào Thanh Hóa, nhất là vào Tây Nguyên ngoài nguyên nhân trực tiếp do việc theo đạo Tin lành như nói trên, còn có nguyên nhân do việc ứng xử cứng rắn bằng biện pháp hành chính với số người theo đạo Tin lành ở một số địa phương. Trong số 37.000 người theo đạo Tin lành di cư vào Tây Nguyên, thì số đông là do nguyên nhân này. Họ rời khỏi địa phương với hy vọng vào Tây Nguyên được dễ dãi theo đạo và nhóm lễ cầu nguyện Thiên Chúa.

Sự có mặt không bình thường với số lượng người Hmông ở khu vực Mường Lay, Mường Tè của tỉnh Lai Châu và hàng loạt huyện của tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông từ giữa thập kỷ 90 đến nay đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội trong khu vực. Tính không ổn định trong cư trú của họ cộng với địa vực cư trú luôn là những vùng xa xôi hẻo lánh đã gây nhiều khó khăn cho các cơ quan chức năng trong công tác quản lý. Ngay việc tìm hiểu số nhân khẩu, số làng mới của đồng bào cũng đã là một vấn đề khó khăn và cũng chính hình thức sống biệt lập ấy đã tạo nên những khó khăn cho bản thân cộng đồng này. Nhiều làng mới của người Hmông bị bệnh tật đe dọa do ăn ở thiếu vệ sinh, nước sinh hoạt không đảm bảo, xa các

cơ quan y tế,... Cuộc sống đói nghèo và nạn sốt rét luôn đe dọa họ. Một số làng, số hộ đói nghèo chiếm tới hơn 50%, mù chữ trong độ tuổi chiếm tới 95%,... Bên cạnh đó các khu vực này đang phải đối phó với nạn chặt phá rừng làm nương rẫy bừa bãi, nạn săn bắt động vật rừng tràn lan, hoạt động kinh tế đó đã hủy hoại trầm trọng môi trường tự nhiên.

Bằng những thủ đoạn tuyên truyền rằng theo Đảng, theo cách mạng vẫn nghèo, theo Thiên Chúa mới thoát khỏi nghèo khó và gần những điều tốt đẹp với Chúa, việc đạo Tin lành phát triển nhanh chóng đã làm giảm sút niềm tin của nhân dân với Đảng và chính quyền Nhà nước. Từ chỗ tin tưởng rằng Đảng đã mang lại cuộc sống độc lập, tự do cho họ, thì nay người Hmông tin rằng chỉ có Vàng chứ, Giêsu mới cứu giúp được mình thoát cảnh đói nghèo. Hiện tượng này không chỉ xảy ra đối với những người lao động mà cả cán bộ như chủ tịch xã, giáo viên, đảng viên cũng tin vào Chúa. Từ đó làm cho đường lối, chính sách của Đảng khó đi vào cuộc sống đồng bào.

Như vậy nhận thức về ảnh hưởng của đạo Tin lành đối với dân tộc Hmông ở miền núi phía Bắc là cả một quá trình, từ chỗ chỉ thấy sự phát triển đạo là do “địch lợi dụng”, “hoàn toàn tiêu cực”, “tiêu cực là chủ yếu” đến “có một vài điểm tích cực” và “mặt tích cực lấn lướt mặt tiêu cực”. Những ảnh hưởng đan xen tích cực và tiêu cực của đạo Tin lành đối với đồng bào Hmông làm cho việc nhận thức và giải quyết sự phát triển đạo Tin lành trong dân tộc này thêm phức tạp. Do đó, cần có cách nhìn nhận khách quan và biện chứng, tránh chủ quan duy ý chí, để có cách giải quyết phù hợp trên nguyên tắc, khi đã công nhận tồn tại - không thể phủ định được thì tác động vào tồn tại đó để phát huy những mặt tích cực và giảm thiểu những mặt tiêu cực. Chủ thể chúng ta cần tác động vào khu vực đạo Tin lành trong người Hmông để hạn chế mặt tiêu cực nhất là về mặt văn hóa, chính trị, đồng thời phát huy những mặt tích cực về mặt xã hội, về lối sống, nhất là xóa bỏ các hủ tục lạc hậu.

## **2.3. Một số giải pháp nhằm khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành trong đời sống đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc**

### ***2.3.1. Dự báo tình hình đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc Hmông***

- Để dự báo tình hình đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc, chúng tôi dựa vào tình hình đạo Tin lành ở trong nước, đạo Tin lành trong người Hmông, tình hình đạo Tin lành trên thế giới, nền móng kinh tế văn hóa xã hội của miền núi phía Bắc, nhất là trong người Hmông, và chủ trương, kết quả công tác đối với đạo Tin lành, cụ thể như sau:

+ Trong những năm tới đây, đạo Tin lành ở Việt Nam tiếp tục có những diễn biến mới. Trước hết, các tổ chức Tin lành đi vào hoạt động ổn định sau khi được nhà nước công nhận tư cách pháp nhân về tổ chức. Tuy nhiên, các tổ chức Tin lành sẽ tăng cường các hoạt động truyền giáo - vì một trong những đặc trưng của Tin lành là truyền giáo mở rộng lực lượng, sẽ củng cố tổ chức, nhất là ở cơ sở, ở những địa bàn mới truyền giáo.

+ Trong điều kiện mở cửa, hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các tổ chức tôn giáo, trong đó có đạo Tin lành sẽ thâm nhập vào Việt Nam và tăng cường các hoạt động từ thiện xã hội, hoạt động truyền giáo, có thể xuất hiện thêm những hệ phái Tin lành mới.

+ Đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là người Hmông vẫn còn khó khăn, đúng hơn là các nguyên nhân chủ quan của việc một bộ phận người Hmông theo đạo Tin lành vẫn còn, làm cơ sở cho việc truyền đạo và theo đạo Tin lành.

+ Chủ trương công tác đối với đạo Tin lành qua Chỉ thị số 01/CT - TTg là đúng đắn, việc thực hiện đã đạt được những kết quả quan trọng với những bài học quý báu. Tuy nhiên nhận thức về đạo Tin lành và công tác đối

với đạo Tin lành còn chưa thống nhất trong hệ thống chính trị, nên việc triển khai ở một số địa phương còn chậm trễ, thậm chí là không triển khai, do đó ảnh hưởng đến tiến độ chung và nhất là làm cho tình hình đạo Tin lành vẫn còn là điểm nóng ở một số nơi.

+ Bên ngoài, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, tiếp tục lợi dụng vấn đề “dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo”, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, trong đó có vấn đề đạo Tin lành, người Hmông, và người Hmông theo đạo Tin lành để gây sức ép chống Việt Nam.

*- Từ những phân tích trên cho thấy: trong những năm sắp tới, tình hình đạo Tin lành cùng những ảnh hưởng của đạo Tin lành trong người Hmông sẽ diễn biến theo một số xu hướng như sau:*

+ Đạo Tin lành ở Việt Nam sẽ tiếp tục là vấn đề lớn và phức tạp do việc thâm nhập của đạo Tin lành trong điều kiện mở cửa hội nhập, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Đạo Tin lành sẽ tiếp tục phát triển đến vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đến với người Hmông và các dân tộc khác ở miền núi phía Bắc. Riêng đối với người Hmông thì số lượng người theo đạo vẫn tăng, nhưng không còn đột biến như trước.

+ Ảnh hưởng của đạo Tin lành trong đồng bào Hmông vẫn tiếp diễn theo hai hướng tích cực và tiêu cực, hướng tác động tích cực ngày càng thể hiện rõ nét, hướng tiêu cực về văn hóa xã hội sẽ giảm dần. Sẽ không còn những tác động tiêu cực theo kiểu lạc hậu và mê tín dị đoan như thời kỳ đầu.

+ Mức độ hai chiều ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông còn tùy thuộc vào thái độ của chính quyền đối với đạo Tin lành, thái độ, trách nhiệm và ý thức của các tổ chức Tin lành.

Dựa trên đánh giá thực trạng đạo Tin lành cùng những ảnh hưởng của đạo Tin lành trong đời sống của đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc; dựa vào nguyên nhân của việc một bộ phận người Hmông theo đạo Tin lành; dựa trên những dự báo về đạo Tin lành, chúng tôi xin nêu những giải pháp nhằm khắc phục những tác động tiêu cực, cũng như giải quyết cơ bản việc truyền đạo và theo đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc như sau:

### ***2.3.2. Một số giải pháp nhằm khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành trong đời sống đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc***

*- Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất của đồng bào Hmông*

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng sản xuất ra của cải vật chất là yêu cầu khách quan, là cơ sở của sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Ph.Ăngghen viết: “Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người, cái sự thật đơn giản đã bị nhiều tầng tầng lớp lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo,...” [43, tr.499 - 500].

Tôn giáo nói chung, đạo Tin lành nói riêng không phải ngẫu nhiên mà có, nó phát sinh, tồn tại như một tất yếu phản ánh các điều kiện khách quan của xã hội và cũng biến đổi theo những biến đổi của xã hội. Hơn nữa, ngay từ đầu đạo Tin lành đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn để xâm nhập vào đồng bào Hmông, vì vậy việc tạo ra một đời sống kinh tế - xã hội phát triển cao chắc chắn sẽ có tác dụng ngăn cản hữu hiệu sự phát triển của đạo Tin lành và ảnh hưởng tiêu cực của nó.

Nền kinh tế tự cung tự cấp đã tồn tại từ lâu trong đồng bào dân tộc Hmông hiện nay đã không còn phù hợp. Bởi vì nó giới hạn khả năng phát

triển kinh tế, giao lưu văn hóa, không tạo ra mối quan hệ giao lưu rộng rãi giữa các dân tộc, làm hình thành nên một xã hội khép kín, trì trệ kéo theo tình trạng đói nghèo, lạc hậu về kinh tế, văn hoá và đời sống của người dân. Nhiều vùng còn thiếu đói thường xuyên, dịch bệnh tràn lan, các phương tiện sinh hoạt tối thiểu vừa thiếu, vừa không đảm bảo vệ sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người, đến sản xuất. Khi thiếu đói đồng bào phải phá rừng làm rẫy, du canh du cư, quần quanh trong những tập tục lạc hậu. Khoảng cách về đời sống vật chất và tinh thần chênh lệch quá xa giữa các vùng, các dân tộc làm xuất hiện tâm lý so sánh, tự ti, mặc cảm trong đồng bào là điều khó tránh khỏi.

Do đó, phương hướng cơ bản để phát triển kinh tế trong vùng dân tộc Hmông là chuyển từ nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc sang nền kinh tế hàng hóa. Việc phát triển nền kinh tế hàng hoá cho phép giải phóng sức lao động, khai thác được tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng dân tộc, đa dạng hoá các hình thức sản xuất kinh doanh. Điều đó khai thác được các tiềm năng của dân tộc Hmông về các mặt như lao động, chăn nuôi, trồng trọt, khai thác rừng, phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, mạng lưới dịch vụ,... Khi đó sẽ góp phần phát triển, tạo điều kiện cho đồng bào tự ổn định cuộc sống trên chính mảnh đất của mình.

Phát huy thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, phát triển nông - lâm nghiệp để từng bước xóa đói, giảm nghèo. Bảo đảm an toàn lương thực tại chỗ, gắn với phát triển những cây, con thế mạnh nhanh chóng đem lại hiệu quả ở từng địa phương. Thực hiện trồng rừng theo quy hoạch với những loại cây phù hợp với đất đai, khí hậu. Đồng thời phát triển kinh tế hộ gia đình, gắn liền với chính sách giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình, giúp đỡ các hộ về vốn, xây dựng và phát triển mô hình kinh tế gia đình.

Tình trạng du canh du cư trong đồng bào Hmông đã và đang là nguyên nhân cơ bản làm cho cuộc sống của đồng bào vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Vì vậy, với bộ phận đồng bào còn du canh du cư chúng ta phải thực hiện chính sách định canh, định cư cho đồng bào, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của các hộ gia đình.

Đầu tư phát triển mạnh công nghiệp chế biến và ngành nghề tiểu thủ công. Bảo vệ và phát triển các ngành nghề truyền thống của đồng bào như dệt thổ cẩm, thêu ren, đan lát,... Mở mang những ngành nghề mới, nhất là những ngành nghề dùng nguyên liệu tại chỗ.

Về giao thông, tình trạng hệ thống giao thông quá thiếu và xấu là một trong những “lực cản” lớn đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào Hmông. Vì vậy, việc quan tâm đến phát triển giao thông cần được xem là một ưu tiên trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ở vùng này.

Cần sớm đưa mạng lưới điện quốc gia về những vùng có điều kiện, kết hợp với việc tăng nhanh các cơ sở thủy điện nhỏ để có thể trong thời gian ngắn đa số đồng bào Hmông có điện dùng trong sinh hoạt và trong sản xuất.

Vấn đề tầm quan trọng của nước sạch ngày nay không chỉ bó hẹp trong phạm vi một dân tộc, quốc gia nào mà nó đã trở thành vấn đề mang tính quốc tế. Thực tế việc thiếu nước sạch sinh hoạt diễn ra ở ngay những nơi mà điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi. Vì vậy, việc đáp ứng nước sạch cho đồng bào Hmông ở nước ta hiện nay thực sự là một vấn đề nan giải.

Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông lâm sản. Mặt khác, cũng chú trọng việc tăng cường đào tạo cán bộ kỹ thuật cho các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt là các cán bộ người dân tộc.

Cần củng cố, phát triển thêm hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân. Tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn đồng bào vệ sinh phòng bệnh,



ăn chín, uống sôi; xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh; ngăn chặn và đẩy lùi một số bệnh nguy hiểm như sốt rét, dịch tả, broun cổ,... để làm sao đồng bào tin tưởng vào công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ của chính quyền nhà nước, giảm bớt những hủ tục, mê tín trong việc khám chữa bệnh.

Như vậy, việc quan tâm phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, từng bước ổn định và nâng cao đời sống vật chất của đồng bào Hmông là giải pháp vừa cơ bản, vừa lâu dài để khắc phục việc phát triển đạo Tin lành cùng những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành trong đời sống đồng bào Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.

*- Nâng cao trình độ dân trí và văn hoá của đồng bào*

Việc nâng cao trình độ dân trí và văn hoá là cơ sở quan trọng để hạn chế sự gia tăng phát triển của đạo Tin lành và ảnh hưởng tiêu cực của nó đến đời sống đồng bào Hmông.

Trước hết, cùng với việc phát triển kinh tế xã hội trong cộng đồng người Hmông thì một vấn đề bức xúc nữa cũng cần phải được giải quyết ngay đó chính là vấn đề nâng cao dân trí cho đồng bào Hmông, trong đó vấn đề phát triển giáo dục được coi là nền tảng. Từ thực trạng hiện nay đó là trình độ dân trí của người Hmông quá thấp (thống kê năm 1998 - 1999, hơn 80% dân số mù chữ), trong đó có cả những bí thư chi bộ, chủ tịch xã mù chữ thì một vấn đề trước mắt được đặt ra đó là cần phải có kế hoạch cụ thể để dứt điểm xoá nạn mù chữ, phổ cập tiểu học, trung học cơ sở cho cán bộ, đảng viên và số người trong độ tuổi đi học. Phần đầu mỗi gia đình có ít nhất một người biết chữ. Muốn vậy phải có chính sách ưu tiên cho giáo dục vùng cao, đầu tư xây dựng trường lớp để mỗi bản đều có lớp học phổ thông cấp I, mỗi xã ít nhất có trường cấp I, cấp II. Thực hiện mô hình lớp cắm bản, giáo viên tại bản. Phát triển các hình thức trường, lớp bán trú liên bản, liên xã. Củng cố và mở rộng hệ thống trường dân tộc nội trú, đào tạo các cán bộ dân tộc người Hmông để

xây dựng một thế hệ trẻ người Hmông có kiến thức và năng lực để phục vụ chính đồng bào của mình.

Trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục, người giáo viên có vai trò rất quan trọng. Từ lâu, việc bổ nhiệm giáo viên miền xuôi, đồng bằng lên miền núi giảng dạy đã được nhà nước quan tâm nhưng trên thực tế do chính sách đãi ngộ chưa thật sự thoả đáng nên nhiều giáo viên bỏ việc sau khi hết hợp đồng hoặc bỏ nghề. Do đó, tình trạng thiếu giáo viên ở khu vực miền núi diễn ra khá phổ biến, trong đó khu vực đồng bào dân tộc Hmông là một điển hình. Từ đó đòi hỏi nhà nước cần có chiến lược và sách lược cụ thể để xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên cho các tỉnh miền núi. Có chính sách ưu đãi thoả đáng cho những cán bộ lên công tác ở vùng miền núi, cụ thể như về lương, phụ cấp, chuyên công tác sau khi hết thời gian phục vụ, đồng thời khuyến khích đào tạo đội ngũ giáo viên từ chính đồng bào các dân tộc.

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cho giáo dục vùng cao bằng các chính sách đòn bẩy, xoá các bản trắng về giáo dục. Cùng với việc dạy chữ phổ thông, cần duy trì, cải tiến việc dạy và học chữ Hmông Việt Nam học sinh biết được ngôn ngữ chính của dân tộc mình. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cần được dịch ra chữ Hmông Việt Nam để đồng bào Hmông dễ tiếp thu và thực hiện.

Đẩy mạnh công tác văn hoá tư tưởng trong vùng đồng bào Hmông, tạo ra một đời sống văn hoá tinh thần đủ mạnh để lấp những khoảng trống trong đời sống tinh thần của đồng bào, từ đó mới có đủ sức đề đề kháng trước mọi sự tấn công từ những luồng tư tưởng văn hoá phản khoa học, xa lạ với cấu trúc của đời sống văn hoá đồng bào. Mặt khác, tiến hành khắc phục từng bước những phong tục tập quán lạc hậu từ lâu đã đè nặng lên đời sống của đồng bào, đồng thời xây dựng nếp sống văn hoá mới ở khu dân cư.

Thực hiện tốt việc tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhất là các chính sách tôn giáo và chính sách dân tộc, mà trước hết là trong cán bộ, đảng viên. Từ đó phát triển tuyên truyền rộng rãi vào quần chúng nhân dân, làm cho đồng bào hiểu và tin tưởng vào chính sách tôn giáo trước sau như một của Đảng và Nhà nước ta. Mặt khác, thông qua tuyên truyền giáo dục để đồng bào nhận rõ âm mưu của kẻ địch trong việc truyền đạo trái phép vào đồng bào Hmông.

Nội dung tuyên truyền phải thật cụ thể, dễ hiểu, phù hợp với nhận thức của đồng bào. Hình thức tuyên truyền phải đa dạng, phong phú, sinh động, gắn với đời sống, đặc điểm tâm lý của đồng bào Hmông.

Việc tuyên truyền vận động muốn có hiệu quả nên bắt đầu từ già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, dòng họ. Cán bộ đảng viên phải là những người đi đầu, gương mẫu thực hiện và phải bằng những việc làm thiết thực, cụ thể để đồng bào có thể nhìn thấy được.

Đối với người Hmông thì chiếc radio là cánh cửa quan trọng nhất để họ tiếp xúc với thế giới bên ngoài, là phương tiện hàng đầu để nâng cao trình độ dân trí. Vì vậy, nhiệm vụ cần thiết đặt ra đó là phải củng cố và nâng cao chất lượng chương trình phát thanh tiếng Hmông phát cho đồng bào.

Trong những năm gần đây có một thực tế đó là lợi dụng ưu thế của đài phát thanh, thông qua đài Manila, lực lượng truyền đạo đã truyền đạo Tin lành vào đồng bào Hmông và làm cho nó phát triển nhanh chóng. Do đó, một vấn đề được đặt ra đó là làm thế nào để thông qua phương tiện truyền thanh có thể nâng cao được trình độ dân trí cho đồng bào Hmông, hướng người Hmông theo đạo Tin lành sống theo đường hướng “*kính Chúa yêu Nước*”. Muốn làm được điều đó thì phải tận dụng tối đa thế mạnh của đài phát thanh, phấn đấu phủ sóng khắp các vùng mà đồng bào dân tộc Hmông sinh sống. Qua đó,

hướng dẫn cho đồng bào Hmông theo đạo Tin lành xây dựng xã hội theo định hướng chung của đất nước.

Từng bước phát triển các chương trình truyền hình của Trung ương và của địa phương để phục vụ đồng bào bằng cách củng cố và mở rộng diện tích phủ sóng trong vùng đồng bào dân tộc, tăng công suất các máy phát, tạo điều kiện để bà con có được máy thu hình và xem chương trình truyền hình nhằm mục đích để nâng cao dân trí, giải trí, phục vụ sản xuất và đời sống của bà con dân tộc Hmông.

Tiến hành khắc phục từng bước những phong tục tập quán lạc hậu từ lâu đã đè nặng lên cuộc sống của đồng bào, như việc tổ chức tang ma, cưới xin, cúng bái,... Đồng thời xây dựng nếp sống văn hoá mới ở khu dân cư.

Song song với việc bài trừ các phong tục tập quán lạc hậu, các tệ nạn xã hội, phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc Hmông, mở rộng giao lưu hội nhập với các dòng văn hoá khác.

Trong những năm qua việc đạo Tin lành xâm nhập và phát triển ồ ạt vào vùng đồng bào dân tộc Hmông ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta nói lên sự suy yếu của văn hoá truyền thống đã từng là nền tảng tinh thần của đồng bào Hmông. Bởi vậy, việc xây dựng và phát triển đời sống văn hoá mới trong đồng bào dân tộc Hmông có một ý nghĩa to lớn trong việc “đề kháng” sự xâm nhập và ảnh hưởng của đạo Tin lành.

Như vậy, việc nâng cao trình độ dân trí và văn hoá của đồng bào Hmông sẽ giúp cho đồng bào loại bỏ dần những phong tục tập quán lạc hậu. Từ đó góp phần giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành trong đời sống đồng bào dân tộc Hmông.

*- Củng cố và tăng cường hệ thống chính trị cơ sở*

Có thể nói một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho đạo Tin lành phát triển và có những tác động tiêu cực đối với đời sống đồng bào dân

tộc Hmông chính là do sự yếu kém của hệ thống chính trị làm công tác tôn giáo, trong đó có vấn đề hạn chế của cán bộ hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo. Do đó, một yêu cầu khách quan đặt ra hiện nay đó là phải củng cố và tăng cường hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao năng lực và trình độ của cán bộ tôn giáo vận.

Việc một số đồng bào dân tộc Hmông theo đạo Tin lành không có nghĩa là họ “quay lưng” lại với chế độ, nhưng đó cũng là một dấu hiệu phản ánh sự giảm sút lòng tin của quần chúng đối với các cấp chính quyền. Một thực tế cho thấy, nơi nào cơ sở của ta hoạt động mạnh, có hiệu quả, nắm được quần chúng thì nơi đó hạn chế được sự xâm nhập của đạo Tin lành. Ngược lại, nơi nào mà đạo Tin lành phát triển mạnh thì đó là nơi mà tổ chức cơ sở của ta yếu hoặc mất hiệu lực, bị mất niềm tin với nhân dân.

Thực trạng hệ thống chính trị cơ sở trong các thôn bản vùng đồng bào Hmông trong những năm gần đây là hết sức yếu kém, các tổ chức quần chúng hầu như không hoạt động, sự tồn tại chỉ mang tính hình thức. Vì vậy, vấn đề đặt ra ở đây là phải củng cố hệ thống chính trị ở thôn bản vững mạnh, từ Đảng, chính quyền, đến các tổ chức chính trị - xã hội. Cần phải phân biệt rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đảng, chính quyền, và các đoàn thể quần chúng, tránh bao biện làm thay. Tổ chức Đảng cơ sở phải am hiểu thực tế địa bàn, xác định đúng nhiệm vụ kinh tế - chính trị ở địa phương để có chủ trương và biện pháp thực hiện hiệu quả. Thường xuyên quan tâm xây dựng và chỉnh đốn Đảng ngay ở cơ sở.

Do đặc điểm của điều kiện tự nhiên vùng cao đi lại khó khăn, địa bàn rộng và ảnh hưởng của tác phong làm việc tự do, tùy tiện, vì vậy mà hoạt động của tổ chức Đảng, việc duy trì sinh hoạt và chất lượng sinh hoạt của đảng bộ, chi bộ có nhiều hạn chế. Đổi mới hệ thống chính trị cơ sở vùng cao đòi hỏi cần phải xây dựng được lịch trình sinh hoạt của tổ chức Đảng, cũng

như chính quyền, đoàn thể một cách cụ thể, hợp lý. Trước đó các nội dung phải được chuẩn bị kỹ càng. Việc tổng hợp tình hình, phổ biến triển khai công việc phải ngắn gọn, dễ hiểu, cụ thể.

Xây dựng quy chế về mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và mặt trận tổ quốc. Các quyết định của tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân dân phải trên cơ sở cùng bàn bạc, có đóng góp ý kiến của mặt trận tổ quốc và các tổ chức quần chúng. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân. Thực sự phát huy dân chủ của nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội mà họ tham gia

Các tổ chức đoàn thể như mặt trận tổ quốc, đoàn thanh niên, hội phụ nữ có vai trò rất quan trọng trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Do đó, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể này để thu hút quần chúng. Phải lấy hiệu quả làm trọng, tránh phô trương hình thức. Đặc biệt là lấy các hoạt động văn hoá xã hội, văn nghệ, thể dục thể thao lôi kéo đoàn viên, hội viên tham gia.

Trong thời gian qua cùng với những kết quả đạt được trong công tác cán bộ, Đảng ta cũng chỉ rõ: kiến thức, trình độ hiểu biết về lý luận và thực tế của nhiều cán bộ chưa theo kịp yêu cầu tình hình hiện nay. Một bộ phận không nhỏ cán bộ đã thoái hoá về chính trị và phẩm chất, đạo đức, lợi dụng chức quyền để tham ô, lãng phí, quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, cơ hội và thực dụng. Nguyên nhân sâu xa của tình hình này là do cán bộ ở cấp cơ sở hiện nay không được đào tạo cơ bản về lý luận và chuyên môn, chưa theo kịp đòi hỏi của cuộc sống hiện nay.

Quan tâm lựa chọn, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ người dân tộc Hmông vào các ngành như công an, quân đội, mặt trận, dân vận, y tế, tuyên giáo,...ở cả cấp tỉnh và cấp huyện, đảm bảo nâng cao tỷ lệ cán bộ người

Hmông lên một mức hợp lý. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng ban, ngành mà tạo điều kiện cho số đồng chí này thường xuyên đến cơ sở để nắm tình hình, liên hệ mật thiết với người dân địa phương, củng cố uy tín và tuyên truyền, vận động quần chúng.

Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên và quần chúng, bằng cách đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và địa phương, trong đó có chính sách tôn giáo.

Cùng với việc nâng cao trình độ lý luận chính trị, Nhà nước cũng cần đầu tư kinh phí để đào tạo cán bộ cấp cơ sở nhằm nâng cao trình độ tổ chức chỉ đạo, quản lý sản xuất, quản lý hành chính và khả năng quản lý sử dụng các nguồn tín dụng nông thôn, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Chỉ khi đó, đội ngũ cán bộ này mới có đủ năng lực hoàn thành trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hướng dẫn, vận động nhân dân trong xã, bản cách làm ăn mới; biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp điều kiện địa phương, từng bước tạo cho đồng bào thói quen sản xuất hàng hoá.

Đồng thời, phải biết tranh thủ tối đa những người có uy tín như trưởng bản, già làng, trưởng họ,... trong vùng đồng bào Hmông. Do đặc điểm lịch sử, người Hmông luôn có nhu cầu về một “Thủ lĩnh” để thể hiện sức mạnh cộng đồng của họ. Nếu xây dựng được lực lượng cốt cán tốt, tranh thủ già làng, trưởng bản, đồng thời tìm những người có uy tín, tài năng, có tâm huyết, có ý thức dân tộc, một lòng đi theo Đảng để bồi dưỡng và tạo điều kiện cho họ thì chính họ có khả năng quy tụ được đồng bào xây dựng kinh tế - xã hội, giữ vững truyền thống văn hoá dân tộc để chống lại sự du nhập của các đạo lạ.

*- Làm tốt công tác đối với đạo Tin lành và chú trọng củng cố cán bộ làm công tác tôn giáo*

Chủ trương chính sách đối với tôn giáo trong thời kỳ đổi mới của Đảng và Nhà nước đã được thể hiện qua các Nghị quyết số 24/NQ - TW (1990) của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 25/NQ - TW (2003) của Ban chấp hành trung ương Đảng, pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004),...trên căn bản nhìn nhận sự tồn tại khách quan của tôn giáo, coi tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, từ đó tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, đồng thời phát huy những giá trị tích cực về đạo đức, văn hóa của tôn giáo. Đối với đạo Tin lành, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng thể hiện rất rõ qua các văn bản như Thông báo 184 (1998), Thông báo 225 (1999) của Bộ Chính trị khóa VIII, Quyết định 11 (2000) của Thủ tướng Chính phủ, Thông báo số 160 - TB/TW của Ban Bí thư (khóa IX) *Về chủ trương công tác đối với đạo Tin lành*, ngày 15/11/2004; Chỉ thị số 01/2005/CT - TTg của Thủ tướng Chính phủ - trong đó chính sách nổi bật là cho phép các điểm nhóm đạo Tin lành được đăng ký sinh hoạt, từng bước bình thường hóa hoạt động của Tin lành trong đồng bào dân tộc thiểu số nước ta, trong đó có đồng bào dân tộc Hmông.

Chủ trương chính sách đối với tôn giáo, đối với đạo Tin lành đã được thực hiện đưa lại kết quả tốt đẹp, tạo ảnh hưởng tích cực ở trong nước và quốc tế. Do vậy các địa phương ở miền núi phía Bắc cần quán triệt và đẩy nhanh việc thực hiện chính sách đối với đạo Tin lành trong đồng bào dân tộc Hmông bằng việc cho đăng ký điểm nhóm theo bản để tạo sự ổn định và từng bước bình thường hóa các hoạt động về tổ chức và các hoạt động tôn giáo khác.

Việc chuẩn bị cán bộ cho miền núi, đặc biệt là cán bộ làm công tác tôn giáo hiện nay thực sự là vấn đề khó khăn. Bởi công tác tôn giáo là một việc làm phức tạp, nhạy cảm và đầy rẫy những khó khăn mà chế độ đãi ngộ, khen



thường lại rất hạn chế. Do đó, việc lựa chọn cán bộ tôn giáo cần xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đồng thời cần gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với việc đổi mới tổ chức, thông qua hoạt động thực tiễn để tuyển chọn cán bộ.

Thường xuyên phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. Trước hết cần nâng cao nhận thức của họ về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để khẳng định vững chắc thế giới quan duy vật, vô thần, chỉ khi đó cán bộ ở cơ sở mới phân biệt được đâu là đúng, đâu là sai; đâu là khoa học và đâu là ảo tưởng sai lầm; giữa lý tưởng cách mạng mà chúng ta đang phấn đấu để biến thành hiện thực ngay trên trần thế này với những gì mà Tin lành hứa hẹn.

Cán bộ làm công tác tôn giáo phải có năng lực, am hiểu địa bàn, phong tục tập quán của đồng bào và biết tiếng Hmông, gắn bó với nhân dân, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Các tỉnh cần tạo điều kiện về kinh phí và chọn cử cán bộ có tâm huyết, có năng lực tăng cường xuống cơ sở. Cán bộ phải làm cho quần chúng thấy rõ thế nào là tự do tín ngưỡng tôn giáo, thế nào là vi phạm tự do tín ngưỡng tôn giáo. Đồng thời vạch trần âm mưu, thủ đoạn lừa gạt của các phần tử xấu và các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu “Diễn biến hoà bình” với nước ta.

Sự hạn chế về kiến thức tôn giáo của cán bộ có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của công tác tôn giáo. Do đó, cần đổi mới nhận thức về tôn giáo của đội ngũ cán bộ tôn giáo vận. Tiếp tục mở các lớp tập huấn, kể cả lớp dài hạn nâng cao về kiến thức tôn giáo để họ có nhận thức đúng đắn về vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay. Mặt khác, cần có chính sách khuyến khích, đãi ngộ đối với những cán bộ làm công tác tôn giáo bằng cả vật chất và tinh thần.

***Một số kiến nghị:***

- Không ngừng tăng cường các biện pháp phát triển kinh tế, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động của đồng bào Hmông, đầu tư xây dựng cơ sở kinh tế trong vùng đồng bào như điện, đường, trường, trạm,... chỉ có như vậy mới mong giúp được nhân dân trong vùng từng bước phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và có tích lũy. Đây là giải pháp cơ bản và lâu dài nhằm phát triển kinh tế trong vùng đồng bào Hmông, từ đó hạn chế được những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành đối với đời sống của đồng bào.

- Tập trung làm tốt công tác vận động quần chúng, bởi vì nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Trong thời gian qua công tác vận động quần chúng trong vùng đồng bào dân tộc Hmông theo đạo Tin lành ở miền núi phía Bắc chưa được quan tâm đúng mức, nên rất hạn chế, ít xuống được tới người dân. Nhiều vùng thiếu cán bộ làm công tác vận động đồng bào, trong thời gian dài người dân không được tuyên truyền chính sách của Đảng và Nhà nước, do đó họ bị tác động mạnh mẽ một chiều bởi hoạt động truyền đạo Tin lành. Nội dung vận động chưa phù hợp, trong một thời gian nhiệm vụ chủ yếu là vận động đồng bào không chấp nhận đạo Tin lành, trong khi đó lại không thấy được nhu cầu tinh thần, nhu cầu tôn giáo của họ. Kết quả là, không những không làm cho đồng bào hiểu được và thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gắn bó với chính quyền mà còn gây phản cảm, làm cho đồng bào xa chính quyền.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ở miền núi phía Bắc hiện nay còn rất mỏng và yếu, hầu hết chưa được đào tạo cơ bản về khoa học tôn giáo và quản lý nhà nước về tôn giáo, do đó còn hạn chế trong công tác, người có kinh nghiệm trong công tác tôn giáo rất ít. Trong khi đó tình hình đạo Tin lành trên địa bàn

đã có rất nhiều sự thay đổi cơ bản với rất nhiều điểm nhóm Tin lành được cấp đăng ký sinh hoạt, trình độ của các trường điểm nhóm và những người truyền đạo Tin lành không ngừng được nâng lên, từ đó đặt ra rất nhiều những vấn đề cần có sự hướng dẫn, quản lý. Vì vậy, việc tăng cường cán bộ làm công tác tôn giáo là rất cần thiết hiện nay. Công việc đó cần được tiến hành theo quy trình từ quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ cán bộ.

- Đạo Tin lành đã là một thực thể không thể phủ nhận được trong đời sống đồng bào Hmông, do vậy, cần nhìn nhận sự tồn tại và có chính sách đúng đắn đối với đạo Tin lành như Thông báo 160/TB - TW của Ban Bí thư TW Đảng (2004), Chỉ thị số 01/2005/CT - TTg của Thủ tướng Chính phủ (2005). Cần phải biết khai thác và phát huy những mặt tích cực của đạo Tin lành trong người Hmông, nhất là về văn hóa, lối sống. Đồng thời biết đấu tranh làm hạn chế đi đến loại trừ những tác động tiêu cực trong việc truyền đạo và theo đạo Tin lành trong người Hmông. Đặc biệt cần tác động và hướng dẫn, thậm chí đấu tranh với các tổ chức Tin lành, các cộng đồng Tin lành để không còn các hoạt động cực đoan về tôn giáo, nhất là những xung đột về văn hóa do việc truyền đạo và theo đạo Tin lành gây ra.

Tóm lại, để từng bước và đi đến giải quyết triệt để tình trạng phát triển của đạo Tin lành trong đồng bào Hmông ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay cũng như là ngăn chặn, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của nó trong đời sống đồng bào, trước hết chúng ta cần quán triệt thật đầy đủ quan điểm Mác xít về việc giải quyết vấn đề tôn giáo; quan tâm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào cả về vật chất lẫn tinh thần, đồng thời củng cố, tăng cường hệ thống chính trị cơ sở để làm tốt công tác tôn giáo. Trong đó, nội dung cốt lõi là công tác vận động quần chúng, như Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị đã khẳng định. Như vậy, chúng ta cần thiết phải biết phối hợp sử dụng các phương pháp để tạo ra một sức mạnh tổng hợp nhằm giải

quyết tốt vấn đề đạo Tin lành ở khu vực đồng bào Hmông. Liên quan đến vấn đề này, Đảng ta nêu rõ: Vấn đề dân tộc có một vị trí chiến lược to lớn, thực hiện bình đẳng, đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Xây dựng luật dân tộc bằng nhiều biện pháp tích cực và vững chắc, thực hiện cho được ba mục tiêu: xoá đói, giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống, sức khoẻ cho đồng bào dân tộc, đồng bào vùng cao, vùng biên giới, xoá được mù chữ, nâng cao dân trí, tôn trọng và phát huy bản sắc tốt đẹp của các dân tộc, xây dựng được cơ sở chính trị, đội ngũ cán bộ và đảng viên của các dân tộc ở các vùng, các cấp trong sạch, vững mạnh.

## C. KẾT LUẬN

Đạo Tin lành ra đời vào đầu thế kỷ XVI ở Đức. Ngay từ khi ra đời, đạo Tin lành đã thể hiện sự phù hợp ở mức độ cao với những yêu cầu của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đang hình thành lúc đó và biểu hiện đời sống tinh thần của giai cấp tư sản đang lên. Do đó, đạo Tin lành nhanh chóng phát triển, thu hút được đông đảo tín đồ ở hầu khắp các lục địa trên thế giới.

Đạo Tin lành đã đặt chân đến Việt Nam vào khoảng giữa thế kỷ XIX, chính thức hoạt động từ năm 1911 và phát triển mạnh ở miền Nam trong thời kỳ chiến tranh xâm lược của Mỹ. Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, đạo Tin lành ở miền Nam bị hạn chế phát triển. Thời gian gần đây, đạo Tin lành đã phát triển mạnh mẽ trở lại trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tại một số khu vực ở nước ta, điển hình nhất là ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam bộ.

Từ những năm 1986 - 1987, hiện tượng Vàng Trú bắt đầu xâm nhập vào các tỉnh miền núi phía Bắc. Lúc đầu chỉ có một số hộ người Hmông theo Vàng Trú, nhưng rất nhanh chóng lan rộng đến nhiều người Hmông ở hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc. Từ năm 1993 đến trước năm 2005, đạo Tin lành phát triển rất mạnh, gia tăng về số lượng người và không dừng lại ở người Hmông, nó đã lan sang nhiều dân tộc khác. Từ năm 2005 đến nay, với việc ban hành Chỉ thị số 01/2005/CT - TTg của Thủ tướng chính phủ, đạo Tin lành đã dần dần đi vào ổn định hơn trước.

Tình hình Tin lành trong vùng đồng bào Hmông ở miền núi phía Bắc là một trong những vấn đề tôn giáo, dân tộc phức tạp bậc nhất ở nước ta hiện nay. Bởi vì đạo Tin lành là một tôn giáo hiện đại, được hậu thuẫn bởi những trung tâm phát triển nhất thế giới hiện nay, là Bắc Mỹ và Châu Âu, lại phát triển trong dân tộc Hmông, một dân tộc có trình độ phát triển thấp, “dễ bị tổn thương” do có đặc điểm bi hùng về lịch sử và là dân tộc có tính quốc tế. Mặt

khác, còn bởi vì nó là nguyên nhân gây nên những bất ổn trong đời sống xã hội đồng bào dân tộc Hmông.

Sự phát triển “không bình thường” của đạo Tin lành trong vùng đồng bào dân tộc Hmông trong những năm gần đây do nhiều nguyên nhân khác nhau, như bắt nguồn từ sự khó khăn về đời sống vật chất, do một số phong tục tập quán truyền thống của đồng bào hiện nay đã tỏ ra không còn phù hợp với yêu cầu khách quan của thời đại, do trình độ dân trí thấp của người dân, do nhu cầu mới về tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào. Bên cạnh đó, hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém, chưa quán triệt đầy đủ quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước nên còn thiếu thống nhất về nhận thức và cách giải quyết đối với vấn đề đạo Tin lành. Mặt khác, là do đạo Tin lành đã biết khai thác lợi thế về mặt tôn giáo của mình - đó là một tôn giáo đơn giản, gọn nhẹ dễ theo. Tất cả những điều đó tập hợp thành một môi trường thuận lợi cho đạo Tin lành thâm nhập và phát triển nhanh chóng trong vùng đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Sự thâm nhập và phát triển của đạo Tin lành vào vùng đồng bào dân tộc Hmông ở miền núi phía Bắc đã có những tác động to lớn đến đời sống của đồng bào ở khu vực này. Sự tác động này diễn ra rất phức tạp, đan xen giữa những giá trị nhân văn và cả những tác động tiêu cực. Bên cạnh những giá trị tích cực mà đạo Tin lành mang lại cho đời sống của đồng bào như: khuyến đồng bào loại bỏ những hủ tục, tập quán lạc hậu đã không còn phù hợp với cuộc sống hiện tại, không mời thầy mo về cúng khi nhà có người đau ốm, không tổ chức đám ma, đám cưới một cách lãng phí, không được nói dối, nghiện hút, tổ chức cướp vợ, khuyến khích việc học chữ v.v... thì bên cạnh đó đạo Tin lành cũng đã có những tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống xã hội của đồng bào. Nó đã gây xáo trộn lớn về mặt tâm lý, tư tưởng, về đời sống sinh hoạt của đồng bào Hmông, làm suy yếu hệ thống chính trị cơ sở của ta.

Nghiêm trọng hơn nữa, sự phát triển của đạo Tin lành có nguy cơ phá vỡ nền văn hóa truyền thống của đồng bào vốn tồn tại từ bao đời nay, gây mất đoàn kết, chia rẽ sâu sắc trong thôn bản,...

Trước những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành đối với đời sống xã hội của đồng bào dân tộc Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay, một vấn đề được đặt ra đó là để hạn chế sự phát triển và ảnh hưởng tiêu cực của nó chúng ta cần xây dựng những giải pháp mang tính tổng thể, quan tâm toàn diện đến đời sống đồng bào, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền,... chỉ có như vậy mới dần dần khắc phục được những ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin lành đối với mọi mặt đời sống của đồng bào Hmông ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Đồng thời, động viên nhân dân trong vùng tích cực xây dựng cuộc sống mới nơi thôn bản và góp phần xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh./.

#### D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ph.Ăngghen (1993), *“Chiến tranh nông dân ở Đức”*, C.Mác - Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Ph.Ăngghen(1994),*“Chống DuyRinh”*, phần thứ ba, CNXH, năm 1874 trong C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ph.Ăngghen (1995), *“Lút vích Phoi - ơ - bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức”*, C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Tập 21, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Báo cáo số 55/VP: *Sơ kết đợt 1 chỉ thị 12 và một năm thực hiện chỉ thị 10 của tỉnh ủy*, Công an tỉnh Hà Giang, 5 - 3 - 1999.
5. *Báo cáo việc thực hiện nghị quyết 24 NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VI) về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, phương hướng công tác trong thời gian tới*, Ban chỉ đạo tổng kết nghị quyết 24 TW, 30 - 2 -1998.
6. Ban chỉ đạo Tây bắc (2006), *Thống kê đạo Tin lành ở các tỉnh vùng Tây Bắc*, ngày 5 - 10 - 2006.
7. Ban tôn giáo Chính phủ (1993), *Công văn số 248/CV - TGCP ngày 25 - 7 - 1993*
8. Ban tôn giáo Chính phủ (1995), *Một số tôn giáo ở Việt Nam (Tài liệu tham khảo - Lưu hành nội bộ)*
9. Ban Tôn giáo Chính phủ (2003), *Báo cáo tổng quan Dự án khảo sát thực trạng Hội thánh Tin Lành Việt Nam - kiến nghị về chủ trương chính sách.*
10. Ban Tôn giáo Chính phủ, Vụ Tin lành (1994), *Tình hình và nguyên nhân của việc một số đồng bào Hmông theo đạo Tin lành*, Hà Nội.
11. Ban Tôn giáo Chính phủ (2003), *Đề án đấu tranh ngăn chặn hoạt động truyền đạo trái phép và tà đạo*, Hà Nội.



12. Ban Tôn giáo chính phủ (2006), *Đạo Tin lành ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
13. Ban Tôn giáo chính phủ (2012), *Báo cáo tổng kết thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT - TTg (2005)*, Hà Nội.
12. Vi Hoàng Bắc (1997), “*Về ảnh hưởng của đạo Tin lành với văn hóa truyền thống huyện Bắc Hà - Lào Cai*”, Tạp chí Dân tộc học, số 1, Hà Nội.
13. TS. Hoàng Quốc Bảo (2010), *Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo trong tình hình mới*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 4, Hà Nội.
14. GS.TS. Trần Văn Bình chủ biên (2004), *Văn hoá các dân tộc Tây Bắc. Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Thanh Cao (2008), *Ba năm thực hiện Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, Số 5, Hà Nội.
16. Chính phủ (2005), *Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Số: 22/2005/NĐ - CP*, Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2005, trong *Văn bản pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
17. Chính phủ (2008), *Nghị quyết Về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo, số 30a/2008/NQ - CP*, Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2008.
18. *Dân tộc Hmông Sơn La với việc giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
19. Nguyễn Hồng Dương (2004), *Tôn giáo trong mối quan hệ văn hoá và phát triển ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Đảng cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội

21. Đảng cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
22. TS. Hoàng Minh Đô chủ nhiệm (2001), *Đạo Tin lành Việt Nam - thực trạng, xu hướng phát triển và những vấn đề đặt ra hiện nay cho công tác lãnh đạo, quản lý*, Kỷ yếu đề tài khoa học, Trung tâm khoa học về Tín ngưỡng và Tôn giáo chủ trì.
23. Hoàng Minh Đô (2006), *Xu hướng biến động của đạo Tin Lành vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 6.
24. Nguyễn Khắc Đức (2011), “*Vấn đề đạo Tin Lành trong đồng bào dân tộc H'Mông và Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*”, Luận văn Tiến sĩ khoa học Tôn giáo, Hà Nội.
25. Mai Thanh Hải (2000), *Từ điển Tín ngưỡng và Tôn giáo Thế giới và Việt Nam*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
26. Cầm Hùng (chủ biên) (2000), “*Chống các thế lực thù địch lợi dụng tín ngưỡng, mê tín, tôn giáo đối với các dân tộc H'mông và Thái thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình” ở Sơn La*”, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Sơn La.
27. Nguyễn Xuân Hùng (2000), “*Tìm hiểu những hệ quả của việc truyền giáo Tin Lành đối với văn hóa truyền thống và tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam*”, Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo, số 1, Hà Nội.
28. Đặng Văn Hường (2001), “*Hiện tượng truyền đạo Tin Lành trái phép “Vàng chử - Tin lành” ở vùng đồng bào H'mông phía Bắc nước ta*”, Luận văn thạc sỹ khoa học Tôn giáo, ĐHKHXH&NV, Hà Nội.
29. *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
30. Trần Trung Hiếu (2007), *Tôn giáo và công tác tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh phía Bắc*, Tạp chí Dân tộc học, số 4, Hà Nội.

31. Đỗ Kỳ Hợp (2001), *Ảnh hưởng của đạo Vàng Trú - Tin Lành đối với đồng bào dân tộc Hmông ở Hà Giang hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Khoa học Tôn giáo, Hà Nội.
32. Vũ Khiêu (1995), “*Những vấn đề tôn giáo hiện nay*”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. *Kinh thánh* (1985), *Trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
34. V.I.Lênin (1979), *Toàn tập, Tập 12*, Nxb. Tiên Bộ, Mátxcova.
35. V.I.Lênin (1979), *Toàn tập, Tập 17*, Nxb. Tiên Bộ, Mátxcova.
36. V.I.Lênin (1980), *Toàn tập, Tập 25*, Nxb. Tiên Bộ, Mátxcova.
37. Nguyễn Đức Lữ (1992), “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với Tôn giáo*”, Tạp chí nghiên cứu Lý luận, số 3, Hà Nội.
38. PGS.TS. Nguyễn Đức Lữ chủ nhiệm (2005), *Những giải pháp cơ bản cơ bản để chống việc truyền đạo trái phép hiện nay ở nước ta*, đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng chủ trì, Hà Nội.
39. PGS.TS. Nguyễn Đức Lữ chủ nhiệm (2005), *Kỷ yếu đề tài nhánh chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía bắc nhằm phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Chính phủ* (thuộc đề án cấp Nhà nước), Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng chủ trì, Hà Nội.
40. Nguyễn Đức Lữ (Chủ nhiệm đề tài, 1999), “*Sự phát triển của đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc ít người ở một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*”, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ do Viện nghiên cứu Tôn giáo, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì.
41. C. Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

42. C. Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 18*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
43. C. Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 19*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
44. C. Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 20*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
45. C. Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 21*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Max Weber, *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của Chủ nghĩa tư bản*, do Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghi, Nguyễn Tùng và Trần Hữu Quang dịch, Nxb Tri thức, 2008.
47. Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh Cao Bằng (2009), Tham luận cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*” ở các địa phương có đạo Tin Lành tại Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện thông báo 160-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về chủ trương đối với đạo Tin Lành do Tỉnh uỷ Cao Bằng tổ chức tháng 5 - 2009.
48. M.chedlov M.P. Filimonov E. G, *Yếu tố tôn giáo trong sự hình thành nền kinh tế trong tôn giáo và đời sống hiện đại*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, Tập 1.
49. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khoá IX Về công tác tôn giáo, ngày 12 tháng 3 năm 2003.
50. Lê Đình Nghĩa (2001), “*Quá trình xâm nhập và ảnh hưởng của đạo Tin Lành ở một số vùng đồng bào H’mông tỉnh Sơn La - Thực trạng và giải pháp*”, Luận văn Thạc sỹ khoa học Tôn giáo, Hà Nội.
51. Th.S Lê Đình Nghĩa (2006), *Báo cáo chuyên đề thái độ và những kinh nghiệm ứng xử của các địa phương đối với vấn đề Tin Lành trong vùng*

*đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc (lưu hành nội bộ)*, Vụ công tác Tôn giáo - Ban dân vận Trung ương, Hà Nội.

52. Nhà in Tin Lành (1958), “*Điều lệ Hội thánh Tin Lành Việt Nam*”, Sài Gòn.

53. Lê Duy Phong - Hoàng Văn Hoa (1999), “*Kinh tế thị trường và sự phân hóa giàu nghèo ở vùng dân tộc và miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

54. Vương Duy Quang (2000), “*Vài nét về quan hệ xã hội, tôn giáo tín ngưỡng truyền thống của người H’mông theo đạo Vàng chữ ở Việt Nam*”, Hà Nội.

55. Vương Duy Quang (2005), *Văn hoá tâm linh của người Hmông ở Việt Nam truyền thống và hiện tại*, Nxb Văn hoá thông tin và viện Văn hoá, Hà Nội.

56. Vương Duy Quang (2007), *Sự cải đạo theo Kitô giáo của một bộ phận người Hmông ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á từ cuối thế kỷ XIX đến nay*, tạp chí Dân tộc học, số 4, Hà Nội.

57. Mai Trung Sâm (2008), *Tín ngưỡng của người Hmông ở Lao Cai hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Hà Nội.

58. PGS. TSKH. Phan Xuân Sơn - ThS Lưu Văn Quảng đồng chủ biên (2006), *Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

59. Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hoá Hmông*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

60. Hà Thanh (2006), *Khâu vai, những sắc màu còn lại*, báo Hà Nội mới Cuối tuần Thứ Bảy, 30 - 6 - 2006.

61. Vũ Tất Thành (2009), *Công tác đối với đạo Tin Lành ở vùng đồng bào Hmông tỉnh Hà Giang hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Hà Nội.

62. Ngô Hữu Thảo (2007), *Giải pháp đối với đạo Tin Lành vùng núi phía Bắc nước ta hiện nay*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 5, Hà Nội.
63. Nguyễn Văn Thắng chủ biên (2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”?* Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành, Nxb Khoa học xã hội, Việt Nam.
64. Tỉnh uỷ Điện Biên, Ban Dân vận (8 - 2007), *Báo cáo chuyên đề Theo hợp đồng số 06 HĐ/TGCP 04/06/2007*, Điện Biên phủ.
65. Lương Thị Thoa (2001), *Quá trình du nhập đạo Tin Lành - Vàng Trú vào dân tộc Hmông trong những năm gần đây*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2, Hà Nội.
66. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Chỉ thị về một số công tác đối với đạo Tin Lành*, Số: 01/2005/CT - TTg, ngày 04 tháng 02 năm 2005.
67. Thanh Thuỷ (2008), *Kết quả và kinh nghiệm tổ chức đăng ký điểm nhóm sinh hoạt đạo Tin Lành ở Hà Giang*, Tạp chí Dân Vận, số 9, Hà Nội.
68. Đặng Nghiêm Vạn (2006), *Dân tộc Hmông (Mèo)*, Tạp chí Mặt Trận, số 31, Hà Nội.
68. Đặng Nghiêm Vạn chủ biên (2000), *Về tình hình phát triển đạo Tin Lành ở miền núi phía Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên*, Nhiệm vụ cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.
70. Đặng Nghiêm Vạn (2005), *Lý luận về tôn giáo và Tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
71. Cư Hoà Vân - Hoàng Nam (1994): *dân tộc Hmông ở việt nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội
72. Viện Nghiên cứu tôn giáo và Tín ngưỡng (2006), *Sơ thảo tập giáo trình, bài giảng chương trình cử nhân chính trị chuyên ngành tôn giáo, tập 1* (tài liệu lưu hành nội bộ).

73. Vụ Tin lành - Ban tôn giáo Chính phủ (2003), *Báo cáo tổng quan, Dự án Khảo sát thực trạng Hội thánh Tin Lành Việt Nam - kiến nghị về chủ trương, chính sách*, Hà Nội.

74. Vụ Tin lành - Ban tôn giáo Chính phủ (tháng 2 năm 2009), *Các tổ chức, hệ phái Tin Lành đã được công nhận tư cách pháp nhân và cấp đăng ký hoạt động tôn giáo*, Hà Nội.

75. Lê Vui (2008), *Tôn giáo ở Tây Bắc thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 1 + 2, Hà Nội.

76. Nguyễn Thanh Xuân (2002), *Bước đầu tìm hiểu đạo Tin Lành trên thế giới và Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

77. Nguyễn Thanh Xuân (2005), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

78. Nguyễn Thanh Xuân (2007), *Vài nét khái quát về tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2, Hà Nội.

79. [http://Nhandan.com.vn/video/videoclip.asp?top=36&sub=47  
&multimedia=2381](http://Nhandan.com.vn/video/videoclip.asp?top=36&sub=47&multimedia=2381).

80. [http://Tuoitre.vn/chinhtri - Xahoi/phong - su - ky - su/378260/ Treo - ho - tren - cao - nguyen - da - ky - 1 - Dau - chan - tim - nuoc. html](http://Tuoitre.vn/chinhtri-Xahoi/phong-su-ky-su/378260/Treo-ho-tren-cao-nguyen-da-ky-1-Dau-chan-tim-nuoc.html).

81. [http://www. Cema.gov.vn](http://www.Cema.gov.vn)

82. [http://www.cema.gov.vn/modules.php?name= Contaent&mcid=124](http://www.cema.gov.vn/modules.php?name=Contaent&mcid=124).

83. <https://vi.wikipedia.org/wiki/H'mong>